

CỔ VĂN VIỆT NAM

TRẦN TRIỀU XỬ-SĨ

HỒ HUYỀN QUI

TRUYỆN **TRÌNH THỦ'**

ƯU-THIÊN BÙI KỶ

HIỆU-ĐÌNH

IN LẦN THỨ BA

sửa-chữa cần-thận



SÁCH GIÁO - KHOA

TÂN VIỆT

CỔ VĂN VIỆT NAM

TRẦN TRIỀU XỬ-SĨ

HỒ HUYỀN QUI

TRUYỆN TRÌNH THỦ

ƯU-THIÊN BÙI KỶ

HIỆU-ĐÌNH

IN LẦN THỨ-BA

sửa-chữa cần-thận



SÁCH GIÁO-KHOA

TÂN VIỆT

1956

HIỆU-ĐÍNH CÁC TRUYỆN NÔM CỔ

Các truyện nôm của ta kể ra cũng khá nhiều, nhưng nhiều truyện nhất là những truyện cũ, cũng có người không biết, không để ý đến, cũng có người xem truyện KIỀU rồi cho hết thấy các truyện cũ là quê-mùa, không đáng xem, coi thường, không buồn đọc nữa, bởi vậy những truyện ấy hầu như là bỏ rơi vậy.

Chúng tôi xét ra có nhiều truyện cổ không phải là không có giá-trị, vẫn không phải toàn một vẻ chất-phác như người ta tưởng lầm ; nhiều câu, nhiều đoạn văn rất hay, ý rất sâu-xa, nếu bỏ mất đi, thì bao nhiêu những áng văn-chương cổ một ngày một tiêu-diệt mất, thì thật đáng tiếc.

Bởi vậy chúng tôi muốn bảo-tồn lấy những di-sản quý-hóa của tổ-tiên để lại, và sưu-tầm những bản truyện hoặc in, hoặc chép bằng chữ nôm, lấy bản cũ nhất làm chuẩn-đích, đem đối-chiếu với các bản khác, so-sánh từng chữ, từng câu, đính-chính lại rồi chú-thích rành-mạch, để khỏi sai-lầm. Khi đã hiệu-đính, chú-thích xong, đem ra cùng nhau thảo-luận đính-chính rồi mới ấn-định xuất-bản.

Hiện-thời chúng tôi đã đính-chính xong bốn truyện NGŨ - NGÔN là : TRUYỆN TRÊ CỐC, TRUYỆN TRINH THỦ, TRUYỆN LỤC SÚC TRANH CÔNG và TRUYỆN HOA ĐIỀU TRANH NẮNG. Những truyện này do ông Phó-bảng Bùi-Kỷ hiệu-đính và chú-giải, và đem in thành từng tập riêng ; như thế các nhà học quốc-văn sau này sẽ có đủ tài-liệu để tra-khảo.

Lê-thần Trần trọng Kim

KHẢO - LUẬN TRUYỆN TRINH THƠ

1. Sự-tích trong truyện. — Con chuột bạch, góa chồng, nuôi một đàn con thơ, ở nhà ông Hồ Huyền-Quy là một ẩn-sĩ về cuối đời Trần, một hôm vì đi kiếm mồi bị chó đuổi, chạy vào một cái hang ở góc vườn nhà bên láng-giềng; nhà ấy là nhà thủ-tướng Hồ Quý-Ly. Trong hang này, vốn có một đôi chuột, hôm ấy chuột cái đi vắng, chuột đực một mình ở nhà, chợt thấy chuột bạch chạy vào, hỏi rõ căn-do, bèn cố quyến-dỗ cho kỳ được. Nào là kẻ những cảnh vất-vả mẹ góa con côi, nào là tả những nỗi lạnh-lùng chán đơn gối chiếc, nào là tán-dương sự phú-quí vinh-hoa của nhà thủ-tướng, nào là cười-diễu sự bần-hàn cùng-quần của kẻ thu-sinh, sau cùng lại mạt-sát những người trọng luân-lý, chuộng tiết-nghĩa ở trên đời, đều là những người chỉ biết chuộng hư danh mà không bỏ-ích cho sự thực chực nào. Song chuột bạch khẳng-khăng cự-tuyệt, hễ chuột đực viện ra được một lý, thì chuột bạch lại dẫn được một lý khác để bác đi. Khi giải-nghĩa thế nào là luân-lý, khi lập-luận thế nào là tiết-nghĩa, khi chê cuộc phú-quí là áng phù-vân,

TRUYỆN TRINH THỬ

khi khen thanh-cao là nền chính-khi, khi công-kích bọn triều Tần mộ Sở là tuồng hèn-hạ đáng khinh ; sau cùng lại nói nếu bị áp-bách quá, thì quyết theo nghĩa « *sát thân thành nhân* » để bảo toàn lấy hai chữ trinh-tiết. Chuột đực thấy chuột bạch lời-lẽ nghiêm-chính và khảng-khái, đành phải kiểm lời từ tạ, để cho chuột bạch bằng lòng. Đang khi ấy chuột cái chọt ở đâu về, thấy chuột đực đang nói-chuyện với chuột bạch, ngờ rằng hai bên có tình-ý gì, tỏ vẻ bất bình lắm. Chuột bạch bèn thuật lại đầu-đuôi, vì sự tị-nạn, bất-đắc-dĩ mà không tránh khỏi được nổi hiềm - nghi, lời-lẽ ôn-tồn uyển-chuyển, trước là để biện-bạch tâm-sự của mình, sau là muốn gỡ cho chuột đực, để giữ sự êm-thắm trong chỗ láng-giềng, rồi từ-biệt thung-dung trở về. Nhưng sau đó, chuột cái không tin lời chuột bạch là thật, không những ray-rức chuột đực, kẻ-lẽ con cả con kê, lại còn đến tận nhà của chuột bạch để rêu-rao tiếng nọ tiếng kia. Đang khi ấy, một con mèo thình-linh ở đâu nhảy đến, chuột cái hoảng-hốt chạy ngã xuống ao. Hồ tiên-sinh trông thấy lấy làm ái-ngại, bèn đuổi mèo đi, vớt chuột cái lên, lấy lẽ phải chằng, giảng-giải đạo cư-xử ở trong gia-đình cho chuột cái nghe, và kể rõ đầu-đuôi cho chuột cái biết chuột bạch vốn một niềm chính-đính. Vì Hồ-sinh là người hiểu-biết tiếng các loài-vật, cũng như Công Dã-Tràng đời xưa, đã từng vì tính hiếu-kỳ, đứng nghe ở cửa hang chuột đực, từ đầu đến cuối, cho nên biết rõ hết cả. Xong rồi, Hồ tiên-sinh về thư-phòng chép ra truyện này, đặt tên là *Trinh thử* nghĩa là con chuột trinh-tiết.

TRUYỆN TRINH THỬ

2. **Tiểu-sử của tác-giả.**— Các bản in cũ, ngoài bla quyền truyện *Trinh thử* đều đề là « *Trần triều xử-sĩ Hồ Huyền-Quy tiên-sinh soạn* », nay xét trong nhân-vật sử đời Trần, không thấy chỗ nào nói đến truyện Hồ tiên-sinh. Trong các mục *Kinh-tịch chí*, *Văn-tịch chí*, của ông Lê Quý-Đôn và Phan Huy-Chú không thấy kê tên cuốn truyện *Trinh thử* và cũng không nói gì đến ông Hồ Huyền-Quy.

Tác-giả truyện *Trinh thử* dùng được nhiều tiếng phương-ngôn ngạn-ngữ của nước nhà, và ông Hồ Huyền-Quy tất là một bậc ăn-dật rất có đức-vọng ở thời bấy giờ, mà bình nhật Hồ Quý-Ly vẫn phải tôn-sùng kính-trọng như hàng tôn-trưởng, cho nên trong cuốn truyện *Trinh thử*, ông Hồ Huyền-Quy mới dám công-nhiên mượn câu văn đề ngụ ý trào-phúng. Thiết-tưởng đó là những lời ức-đoán, song cũng có phần đúng. Nay xem ở trong truyện có những câu sau này :

*Ngụ miên Lộc-đổng cảnh thanh,
Có Hồ-sinh vốn hiển danh đương thì.*

*Chàng màng đuổi thỏ săn hươu,
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thì.*

thì biết tác-giả không phải là một người bảo-phu tầm-thường vậy. Tiếc rằng sách-vở đời Trần, trải qua cuộc binh-hỏa giặc Minh, tàn-phá gần hết, đến nay sưu-tầm rất khó, mong rằng các nhà lưu tâm đến văn-sử của nước nhà ra công thu-thập lấy nhiều tài-liệu để bổ-chính thêm vào.

3. **Cách kết-cấu ở trong truyện.**— Cuốn truyện

TRUYỆN TRINH THỦ

có thể chia làm ba đoạn : *Đoạn thứ nhất* : Chuột đực và chuột bạch thuyết-lý với nhau, chuột đực đố chuột bạch mười một lần, chuột bạch bác lại mười một lần. *Đoạn thứ nhì* : Chuột cái về nhà sinh sự với chuột đực và chuột bạch, rồi bị mèo đuổi, lại được Hồ tiên-sinh vớt lên và vâng nghe những lời dẫn-dụ. *Đoạn thứ ba* : là đoạn kết-luận, cho thói gian-tà là đáng chê, lòng chính-trực là đáng kính, và ngụ ý khuyên đời. Cả cuốn đặt theo lối lục-bát, cộng là 848 câu.

4. Văn-pháp và tâm-lý trong truyện. — a) Về cách đặt câu, ta nhận thấy chữ thứ nhì câu lục, có mấy chỗ dùng tiếng trắc, như câu :

*Chàng nghĩ đàn đĩ ém tai,
Tin nhận, thư cá, gửi đi.*

Lối này về sau các nhà văn cho là khổ-độc, ít khi đặt câu như thế, trừ phi khi nào câu lục đặt theo lối tiểu-đối, nghĩa là ba tiếng trước đối với ba tiếng sau, và ở giữa câu lục có thể chấm ngắt ra làm đôi được (chấm đầu) như câu « *Trên gác phượng, dưới sân rồng* » hay là câu « *Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh* », thì chữ thứ nhì câu lục mới có thể dùng chữ trắc, đó là một chỗ khác nhau về cách đặt câu ở từng thời-đại một, tuy là thuộc về mặt hình-thức, song cũng có thể giúp cho nhà khảo-cứu về văn-sử được một vài phần.

b) Về cách dùng chữ, ta nhận thấy trong truyện có nhiều tiếng cổ, như tiếng « *khùng* » tiếng « *tách* » tiếng « *chung* » tiếng « *thửa* », đến bây giờ ít dùng, và có người lại cho là tiếng nôm-na quá, đó cũng là

TRUYỆN TRÌNH THỬ

những tài-liệu rất cần về cổ-học cho những bạn ham đọc quốc-văn, mà thứ nhất là quốc-văn cũ. Trong truyện cũng có dùng chữ Hán, nhưng dùng toàn chữ thông thường, bởi thế ta có thể nhận rằng kho quốc-âm ta sở dĩ được phong-phú như ngày nay, tất là đã phải chứa góp bao nhiêu thời-kỳ, lúc đầu còn dùng những chữ phổ-thông, rồi dần dần dùng đến những chữ khó, trình-độ tiến-hóa ở trong quốc-văn đã qua được một bậc, thì lại bước lên một bậc ; như cuốn truyện *Trình thử* này, mới là những bước đầu dùng chữ Hán ở trong quốc-văn vậy.

c) Về cách viết văn thì thật là giản-dị và minh-bạch, chất-phác và hồn-hậu, tả cảnh một cách tự-nhiên, tả tình một cách lâm-ly thống-thiết. Như đoạn tả thầy đồ nghèo :

*Khó-khăn nhà xác như vờ,
Nước sông, gạo chợ, củi mua củi đồng.
Thịt chẳng có, cá thì không,
Chốn nằm chẳng có màn-mùng che thân.
Gà về bới nát cỏ sân,
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn cỏi ngoài.
Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
Lợn ngồi dũi đất ngậm hơi gầy-gò.*

Lại như đoạn tả người góa-bụa :

*Rắp toan nát ngọc chìm châu,
Lầu cao chẳng quản, giếng sâu chẳng từ.
Bạn vì một lũ con thơ,
Mong khi cả lớn bấy giờ sẽ hay.*

TRUYỆN TRINH THỦ

*Vì đeo tình nước lòng mây,
Thì chỉ chim Việt đổ rày cảnh nam.
Mấy thu nước mắt chan cơm,
Lung canh, đĩa muối, quả đơm thường lễ.*

Còn về cách trào-phúng thì thật là êm-dịu mà cay-chua, mát-mẻ mà đau-xót ; xem như chỗ chuột đực so-sánh loài vật với loài người : « *Thử coi lấy đây mà suy, Người thiêng hơn vật nào nghĩ ở đâu, Người thời đắc thế-gian giàu, Còn cầu thích chỉ còn cầu hư danh, Huống chỉ vật mọn quần-sinh, Giữ sao cho trọn tiết-trình mà bì* ». Xưa nay chỉ người lại khen-chê người, đây lại bởi miệng con chuột nói ra, thật là một kỳ-tử của văn-gia.

Không những thế, từ-lý lại rất là sung-thiem, như chỗ chuột đực kể cả một đoạn tình-sử để dỗ chuột bạch, kể từ Lã-hầu, Hồ-phi, Điêu Thuyền, Vũ Tắc-thiên, Trác Văn-Quân, cho đến truyện Lưu Nguyễn, Bạch Viên, muốn cho ta là dù phạm-trần, dù thần-tiên, cũng đều vương-viu bần-biu ở trong tình-trường. Rồi lại cự-lực bài-xích cả đến bài văn luận thử, cho những phường bạch-diện thư-sinh toàn là nói lém. Có thể cho là một tay hùng-biện.

Lại như chỗ chuột bạch bác lại kể từ lúc mới đặt lễ lệ-bì, cho đến lúc có giáo-hóa, có chính-trị, thế nào là nghĩa tạo-đoan, thế nào là nền phong-hóa, lại mặt-sát đến cả nhưng bọn tham danh vụ lợi, biến tiết khuất thân, thật là từ trực, lý trang, có thể dùng làm bài học luân-lý ở đời được.

Chỗ đặc-sắc nhất ở trong truyện này là dùng được nhiều câu phương-ngôn và tục-ngữ, như những câu:

TRUYỆN TRINH THỦ

*Kinh-nghe vui thú kinh-nghe,
Tép-tôm thì lại vui bề tép-tôm.
Thả ăn cáy ngáy o o,
Còn hơn ngay-ngáy ăn bò làm chỉ.*

Không những tức cảnh sinh tình, vừa thiết-thực, vừa có nhiều thanh-thú, mà lại chọn được những câu toàn có tên con giống để làm cho câu văn màu-mẽ thêm lên.

b) Xem suốt cả cuốn văn này, ta nhận thấy tác-giả mượn mượn truyện con chnột đực và con chuột bạch để vạch rõ hai con đường đời, là *đường tà* và *đường chính*. Hai con đường này không bao giờ hợp làm một được, nhưng vẫn có lối thông sang với nhau. Những người đi trên hai con đường này có lúc bên nọ đông hơn bên kia, cũng có người trợn đời theo một con đường, cũng có người đang ở con đường này đi sang con đường nọ. Vì thế mà cõi đời lúc nào cũng có người tà, người chính, lúc nào cũng có người đang chính hóa ra tà, đang tà hóa ra chính. Song xét cho kỹ, tà và chính bởi đâu mà sinh ra. Tà và chính chẳng qua là hai cái danh-hiệu tương-đối. Nếu hẳn là không có tà, thì chính cũng không cần phải gọi tên lên nữa. Vì những nỗi thiên-tư của nhân-dục người ta mới phạm vào đường tà : kỳ thực, người ta bầm-sinh ra có phải ai là cũng bất chính đâu. Dù ít hay nhiều, người ta ai cũng có lương-tâm, tức là cái mầm, cái rễ của điều thiện, mà thiện tức là chính vậy. Vì thế cổ-nhân mới lấy bốn chữ tu ố và trắc ần, để xét về tâm-tính người. Ai cũng có lòng tu ố và trắc ần,

TRUYỆN TRINH THỬ

tất là ai cũng có lòng lạnh ; giữ được lòng ấy mà khoáng-sung mãi ra thì trở nên hiên-nhân quân-tử, còn những kẻ gian-ác tiểu-nhân, bầm-nhiên vẫn có lòng lạnh, chỉ vì bị vật-dục chương-tế mà đến nỗi lạc lối lầm đường. Tà và chính không phải chỉ quan-hệ về tư-cách cá-nhân, mà lại có thể làm hại hay làm lợi cho loài người rất to, vì xưa nay trăm điều tội-ác làm nhiều-loạn, trong từ gia-đình, ngoài đến tộc-đảng, hương-ấp, quận-quốc rồi cả đến thế-giới đều bởi một chữ tà cả. Vả chẳng đời nào chính thịnh tất là đời thịnh, đời nào chính suy tất là đời suy, bởi thế ai có con mắt nhận rõ về cái hiềm-tượng của loài người, hoặc về hiện-tại, hoặc về tương-lai, đều phải lấy hai điều phù chính ức tà là hai vấn-đề rất quan-trọng. Tác-giả sinh ở cuối Trần, vào hồi khí-diểm họ Hồ đang mạnh, mà cả triều đều a-phụ một hùa, nhận thấy thói đời xu viêm phụ nhiệt thái quá. Có khi cả những người có học-thức cũng không biết lễ-nghĩa liêm-sĩ là gì, mới động lòng trung-phẫn mà viết ra truyện này, nói con chuột đực, tức là ám-chỉ những đảng Quý-Ly, nói con chuột bạch tức ám-chỉ những bậc trung-thần lúc bấy giờ.

Song than ôi ! ở đời người chính vẫn còn, và kẻ tà không bao giờ hết ; hết bọn Hồ Quý-Ly này đến bọn Quý-Ly khác, cuốn truyện *Trinh thử* này có phải chỉ vì đời Trần mới xuất-hiện ra đời đâu ?

Ta có thể nhận ở đoạn kết-luận có những câu sau này :

TRUYỆN TRINH THỦ

Nào ngờ vi-vật chính-chuyên,
Rằng chê, mà cũng đáng khen lệ gì.
Cũng hay trình-tiểu giữ nghi,
Vật còn dường ấy hưởng chi là người.
Ai hay đen-bạc biển rồi,
Dầu người chẳng biết nhưng trời đã hay,
Những người mặt dạn mày dày,
So xem ắt cũng chẳng tày muống kia.

Nếu ngâm-nghĩ cho kỹ, thì ta nên liệt cuốn văn này vào tập văn ngụ-ngôn, và nên công-nhận cuốn văn này rất có giá-trị cả về văn-chương và về luân-lý vậy.

Sau khi đọc đi đọc lại nhiều lần, tôi xin lạm đề vào cuốn truyện *Trinh thủ* mấy câu đề giải thêm cái thâm-ý của tác-giả :

Khen thay chuột bạch chính-chuyên,
Ngán thay đen-trắng đảo-diễn trò đời,
Gặp con dâu bề đôi dôi,
Đã thiêng hơn vật là người tính sạo ?
Ngắm xem đất thấp trời cao,
Thế nào là trọc, thế nào là thanh ?
Quyền vàng đỡ trước đèn xanh,
Lưu phương, lưu xứ rành rành còn ghi,

Thế mới biết

Thói tà-phong tan chóng,
Mùi chính-khi thơm lâu,
Người mẫn thế động lòng đau-xót
Văn ngụ-ngôn giải ý cao sâu.

TRUYỆN TRINH THỬ

*Trách ai hắc-bạch thay lòng, vì nắm lợi mờ danh
mà lần-quất ;
Đề khách thanh-cao ngựa mắt, nghĩ tình đời, thói
tục lại âu-sầu.
Ngán thay chiếc mặt phong-trần, sóng vùi-dập cũng
thừa một kiếp ;
Khéo bốn-cột cái mồm nguyệt-đán, lời mĩ-mai để
lại ngàn thâu.*

BÙI ƯU-THIÊN

TRUYỆN TRÌNH THỬ

Vừa năm Long-khánh (1) đời Trần,
 Muôn phương triều-cống mười phân thái-bình.
 Ngụ m ền Lộc-đổng (2) cảnh thanh,
 Là Hồ-sinh vốn thiện-danh (3) đang thi.
 Nhiều bề cách vật trí trí (4),
 Tiếng muông chim lại hay suy nên lời.
 Kinh-thành nhân thừa ra chơi,
 Lý Lê (5) thủ-tướng gần nơi ngụ nhà.
 Canh ba thánh-thót đồng-hồ,
 Lạ nhà chưa ngủ hồ-đồ (6) xiết bao.
 Bổng nghe bên cội bích-đào,
 Tiếng con muông (7) sửa bào hao dầy-dàng.

(1) Long-khánh : Niên-hiệu đời Trần Duệ-tông từ năm 1373 đến 1377 sau Tây-lịch kỷ-nguyên.

(2) Lộc-đổng 鹿洞 : chỗ ông Chu-Hy đọc sách, chỉ chung chỗ ẩn-cư của các bậc cao-nhân.

(3) Thiện-danh 姓名 : nổi tiếng.

(4) Cách vật trí trí 格物致知 : Trong sách Đại-học dùng bốn chữ này để giải về thứ-tự của bậc đại-học : có vật mới trí trí, có trí trí mới thành ý, có thành ý mới chính tâm v. v... Về sau dùng bốn chữ này để gọi về sự học rộng biết nhiều.

(5) Lý Lê : tức là Hồ Quý-Ly.

(6) Hồ-đồ : phân vân.

(7) Muông : con chó.

TRUYỆN TRINH THỦ

Chẳng là chuột bạch bên tường,
Cong đuôi mà chạy vội-vàng hải kinh.
Cửa hang sẵn ở góc thành,
Chạy ngang vào đó ẩn mình một khi.
Mất mỗi muông lại chạy đi,
Trong hang dường tiếng nam-nhi (1) hỏi rằng :
« Uầy ai quen-thuộc chưa tường !
Đêm khuya đường-dột vì chưng có nào ? »
Hồ-sinh thấy sự lạ sao,
Đến bên tường, ghé mắt vào dòm chơi.
Thấy con chuột đực nằm dài,
Lời ăn tiếng nói như người chưa khôn.
Đương khi nói ngọt, nói ngon,
Bây giờ chuột bạch còn run như cây (2).
Một giây (3) tỉnh lại mới hay :
Vì chưng lỡ bước biết đây chốn nào.
Tới lui không biết làm sao,
Khác nào như thẽ cáy vào hang cua (4).
Dám bày nông-nổi trình thưa,
Rằng : « Tôi nhà cũng quanh-co miền này.
Quá chun lạc lối tới đây.
Chẳng may bỗng gặp muông-cây bất nhân.
Phúc sao mà cũng mau chân,
Chạy vào lại được gửi thân chốn này.
Rộng cho nướng-nấu ở đây,
Được qua nạn ấy ơn dày dám vong ».

(1) *Nam-nhi* : con trai, ở đây chỉ con chuột đực.

(2) *Run như cây* : cây là con chó. Ta thường nói : run như cây sậy : con chó ướt lông mà đem sưởi, ý nói run sợ.

(3) *Một giây* : một lát.

(4) *Cáy vào hang cua* : lúng-túng khó xoay-xở.

TRUYỆN TRINH THỬ

Lời ăn tiếng nói thông-dong,
Chàng nghe cũng động tấm lòng nước mây.

Rằng : « Sao cả quyết tới đây,
Nào chổng con ở đâu, nay làm gì ?

Một mình khuya-khoắt ra đi,
Dường như giống vạc, có gì ăn đêm ? (1)

Hay là nhả cá, gửi chim, (2)
Đêm xuân đón gió đi tìm mùi hương ?

Rằng (3) ta rộng-rãi lòng thương,
Phỏng như gặp kẻ phũ-phàng thì sao ? »

Nàng nghe chàng nói thấp cao,
Nổi mình mới kể tiêu-hao xa gần :

« Thiếp nay ở mái đông-lạp,
Vì cơ thương-cầu (4) lang-quân tẻch ngàn (5).

Mỗi lòng khôn xiết thổ-than,
Thương chổng lại xót một đàn con thơ.

Rồng-rồng theo nạ (6) sớm trưa,
Của đâu cho được dư thừa miếng ăn.

Pha-phôi chẳng quản nhọc-nhẫn,
Chân le chân vịt (7) nào phân đêm ngày.

(1) Nếu không phải như giống vạc, có gì lại đi ăn đêm.

(2) *Nhả cá, gửi chim* : Bỏ thư vào bụng cá, buộc thư vào chân chim để đưa tin. Nói về trai gái đưa tin cho nhau bằng những cách thăm-dấu.

(3) *Rằng ta* : như ta đây.

(4) *Thương-cầu* : Bởi câu : « Bạch vân hóa vi thương cầu » 白云化為蒼狗, đám mây trắng hóa làm con chó đen xanh. Nói về sự biến-ảo thay đổi trong trời đất.

(5) *Lang-quân tẻch ngàn* : chổng chết.

(6) *Nạ* : mẹ rồng-rồng — con của cá quả (cá tràu, cá lóc)

(7) *Chân le, chân vịt* : chân cao chân thấp, chạy ngược chạy xuôi, vấp-vả.

TRUYỆN TRINH THỦ

Nghe quan thủ-tướng bên này,
Cửa-nhà tráng-lệ, cửa dày bằng non.
Muốn ăn hết, phải đào (1) giun,
Pha bờ xông bụi nào còn biết e.
Đêm hôm cũng dẫn mình đi,
Sang đây kiếm ít đem về làm lưng. (2)
Ai ngờ gặp đũa gió trắng (3),
Cho nên khuyất nẻo lạc chừng khốn thay ! »
Chàng nghe nông-nổi giải-bày,
Quyết lòng cầm-sắt một hai dõ-dành.
Rằng : « Nàng giải hết chân tình,
Thương thay phận gái một mình long-đong.
Đã hay trong đạo vợ chồng,
Nghĩa-sân tình nặng há lòng chẳng thương.
Kính quyền (4) đôi lẽ là thường,
Được nơi tựa ngọc nương vàng thời thôi.
Chẳng lo mẹ góa con côi,
Sớm khuya loan-phượng no đôi (5) đường nào.
Chẳng lo liễu cợt hoa chào,
Bướm gợn ong giữ làm sao cho tuyền.
Vả nàng là gái thuyền-quyên,
Phỏng khi gặp kẻ vô duyên khôn dè (6).
Vì mà dốc tấm lòng qui (7),

(1) Ăn hết đào giun : đào giun để đánh bẫy chim hết.
Ở đây chỉ về nghĩa muốn kiếm miếng ăn thì phải mất công.

(2) Làm lưng : làm vốn.

(3) Gió trắng : càn-dỡ, ở đây chỉ vào con chó.

(4) Kính là theo đạo thường, quyền là quyền biển, có thể thay đôi đạo thường, không cần phải câu-chấp quá.

(5) No đôi : đủ đôi.

(6) Khôn dè : không biết chừng.

(7) Qui : thứ hoa nở bao giờ cũng quay về chiều có mặt trời.

TRUYỆN TRINH THỦ

Giữ sao cho được trọn bề hưởng dương (1) ,
Nàng nghe ăn-nói số-sàng,
Muôn sầu tâm-tã, hai hàng chứa-chan.
Cúi đầu thưa nói khoan-khoan :
« Thiếp như phận liễu gặp cơn gió thổi (2).
Đã thương mới dám ngỏ lời,
Nhớ trong thanh-sử (3) hôm mai ghi lòng.
Chữ rằng : *tòng nhất nhi chung* (4)
Gái hiền thờ chỉ một chồng chẳng hai.
Cương-thường đạo cả há chơi,
Một niềm hằng giữ, mấy lời đình-ninh.
Vả nay bóng đã xế mảnh,
Dám đâu còn lại gieo mình nữa nao.
Mặc ai ong-bướm xôn-xao,
Mười phần cũng chẳng chuyển-dao (5) một
phần.
Hạ qua đám ước lại xuân,
Dễ hầu gà lược (6) mấy lần nữa sao ?
Phận đành cho ả họ Tào, (7)

(1) *Hưởng dương* 向陽 : quay về mặt trời.

(2) *Đoái* : phương tây, bởi chữ đoái 兌, đọc chạnh đi làm âm bằng.

(3) *Thanh-sử* : sử xanh, về đời xưa chưa có giấy, dùng mảnh tre để viết chữ, mặt cật tre có sắc xanh cho nên gọi là thanh-sử.

(4) *Tòng nhất nhi chung* 從一而終 : chỉ theo một chồng mà ở trọn đời.

(5) *Chuyển-dao* 轉搖 : chuyển lay, ý nói thay lòng đổi dạ.

(6) *Gà lược* : nói người đàn-bà cải giá.

(7) *Họ Tào* : *Liệt-nữ truyện* : nàng Linh-nữ là vợ Tào-van-Thước, góa chồng, người nhà muốn bắt ép đi cải giá, nàng bèn lấy dao cắt mũi để thủ-tiết :

TRUYỆN TRINH THỦ

Mong sân hòe (1) được thanh-cao là mừng.
Bây giờ sầy bước lỗ chừng,
Tôi đây đã đội ơn chung (2) lòng chàng.
Đoái thương thân-phận lỗ-làng,
Dạy đường phương-tiện (3) lòng càng cảm ơn,
Tóc tơ giải hết nguồn cơn,
Quyết liều chịu tốt thồn-bơn một bề (4).
Vu qui (5) núi chỉ non thề,
Tắc lòng đá tạc vàng ghi dám rời.
Ở đời kiên-ngạnh (6) với đời,
Kéo e oanh-yến những lời khen-chê !
Chàng rằng : Nàng vẫn chấp-mê,
Chẳng hay lo trước ắt thì lụy sau.
Hãy suy cho thấu cơ-mầu,
Trong khi tụy-hoán (7) dễ hầu một ai.
Chữ rằng : xuân bất tái lai,
Một ngày là mấy sớm mai hồi nàng !

(1) *Sân hòe* : đời xưa Vương Hựu trồng ba cây hòe ở sân có nói rằng : Về sau con cháu phát-đạt cũng như ba cây hòe tươi-tốt ; đời sau dùng điển này để nói về sự con cháu hiển-đạt.

(2) *Đội ơn chung* : đội ơn ở.

(3) *Phương-tiện* 方便 : nguyên là chữ ở trong kinh Phật, nghĩa là tự-do tùy-tiện, tự mình thu-xếp cho mình. Ở đây nói về cách khuôn-xếp cho tiện.

(4) *Thồn-bơn một bề* : cá thồn-bơn mình đẹp, đã nằm một chiều thì không trở mình lại được, ý nói chịu yên một bề. (Cá thồn-bơn ở Nam Việt gọi là cá lưỡi trâu).

(5) *Vu qui* : Bối câu : « *chỉ tử vu qui* » 之子于歸 ở trong kinh Thi : người con-gái kia đi về nhà chồng.

(6) *Kiên-ngạnh* 堅梗 : bền cứng.

(7) *Tụy-hoán* 萃渙 : tên hai quẻ ở trong kinh Dịch, tụy là họp, hoán là tan, cũng như tụ-tán.

TRUYỆN TRINH THỦ

Tới lui đôi lẽ cho tường,
Tĩnh bề xử biến hơn đường kiên trinh.
Kết làm phu-phụ chi tình,
Chẳng lo thuyền bách (1) lênh-đênh giữa nguồn.
Lòng xuân tưởng đến cũng buồn,
Chẳng nghe câu ví phương-ngôn thường lẽ :
Chơi xuân kẻo hết xuân đi,
Cái giả sống-sộc nó thì theo sau.
Ngựa qua cửa sổ (2) bao lâu,
Kiếp toan kiếm chốn bán sầu mua vui.
Hoa tàn nhị rữa thì thôi,
Bấy giờ ai kẻ còn lời tóc-tơ.
Một mình giữ đống con thơ,
Dễ ai lo-lắng sớm trưa với nàng.
Có khi biến, có khi thường,
Suy điều cùng chiếu cùng giường vầy vui.
Song song như đũa có đôi,
Ấm-no cùng thỏa, ngọt-bùi cùng ăn.
Bằng khi vô-võ nửa chẵn,
Cảnh khuya trần-trọc bán-khoản vui gì ?
Được chẳng một tiếng tiết-ngहि,
Bắc đồng cân thử xem bề nào hơn.
Xưa nay mấy kẻ hồng-nhan,
Gan vàng dạ ngọc cơ-hàn (3) được đầu.
Như người phủ-các thư-lâu, (4)

(1) *Thuyền bách* : Bởi bài thơ bách-chu 柏舟 ở trong kinh Thi nói : người góa chồng như chiếc thuyền gỗ bách lênh-đênh ở giữa sông.

(2) *Ngựa qua cửa sổ* : Bởi chữ *bạch câu quá khích* 白駒過隙. Ngựa trắng chạy qua khe cửa, nói về đời người nhanh chóng.

(3) *Gan vàng dạ ngọc cơ-hàn được đầu* : Tuy có gan vàng dạ ngọc song ở vào cảnh đói rét, đã chắc là giữ vững được đầu.

(4) *Phủ-các thư-lâu* : những bậc tài-nữ, được ở vào cảnh phong-lưu, phú-quý.

TRUYỆN TRINH THỦ

Lòng son dạ sắt mình đâu dám bi ! »

Nàng rằng : « Phận gái vụng-về,
Đẫn-do chút cũng thấu bề phải chăng.

Vợ chồng đạo cả lẽ hằng.

Tạo đoan (1) lẽ ấy há rằng phải chơi.

Kề từ thừa mới thiên khai,

Năm hàng ở nội chưa ai biết gì.

Cũng còn có lẽ lệ-bì (2),

Chè loài cầu hợp (3) rần bề dâm-bôn (4).

Phu-thê phong-hóa chi nguyên (5),

Sự vong như thể sự tồn (6) kéo què (7).

Trời đâu phụ kẻ tiết-nghì,

Lân-kinh (8), mao-giản (9) tạc ghi còn truyền.

Đời xưa mấy gái tiết-hiền (10),

(1) *Tạo đoan* : bởi câu *Thiên địa chi đạo* chi đạo, *tạo đoan* hề *phu-phụ* : 天地之道造端乎夫婦 : đạo trời đất gây ra cái mối dẫu từ đạo vợ chồng.

(2) *Lệ-bì* : 儷皮 : hai miếng da thuộc ; theo hôn-lễ đời cô, dùng hai miếng da, một miếng của họ nhà trai, một miếng của họ nhà gái, đánh đổi nhau mỗi bên giữ một miếng để làm bằng.

(3) *Cầu hợp* 苟合 : tụ-hợp bằng cách tạm-bợ.

(4) *Dâm-bôn* 淫奔 : vì sự dâm-dăng mà theo nhau.

(5) *Phong-hóa chi nguyên* : cái nguồn của phong-hóa và giáo-hóa.

(6) *Sự vong như thể sự tồn* : thờ người lúc mất cũng như lúc sống.

(7) *Què* : tiếng cũ, nghĩa là sai, lẫn.

(8) *Lân-kinh* 麟經 : đức Khổng-tử chép *kinh xuân-thu* đến chỗ được con kỳ-lân què, ngài không chép nữa, người sau gọi *kinh xuân-thu* là *lân-kinh*.

(9) *Mao-giản* 毛簡 : Sứ của Mao-công, đời bấy giờ chưa có giấy, chép vào thanh tre.

(10) *Đời xưa mấy gái tiết-hiền* : ý nói xưa nay rất hiếm người tiết-nghĩa ; có bản chép là : đời xưa mấy kẻ tiết hèn.

TRUYỆN TRINH THỦ

Chẳng nên giống họ, thì nên giống này.
Mấy người tỉnh nước, lòng mây (1),
Sớm đưa gã Lý, tối vầy chàng Trương (2).
Sử xanh còn chép rõ-ràng,
Lòng này đâu dám ra tuồng như xưa.
Kẻ chông còn đỏ trơ trơ,
Cùng người khác đã đợi-chờ tình chung.
Kẻ thời mới khuất mặt chông,
Chưa xanh ngọn cỏ, cải dong, biển nghì.
Những loài ấy kẻ làm chi,
Rành-rành bia miệng (3) còn ghi đến rày.»
Chàng nghe lại nói lời này :
« Nàng tuy biết một chưa hay biết mười.
Đã là tai mắt ở đời,
Cứ mình chớ bắt-chước người vụ danh.
Ở trong thế-sự vẫn thanh (4),
Hễ mà miễn được ích mình thời thôi.
Vi dù bắt-chước như ai,
Nói màu trinh-tiết, ở loài bốn-ba.
Hán thời Lã-hậu ai qua,
Sớm khuya cửa tía, vào ra nhà vàng.
Từ khi khuất mặt Hán-hoàng,
Mà lòng tư túi với chàng Tự Cơ (5).

(1) *Tỉnh nước, lòng mây* : tỉnh lắng-lơ.

(2) *Gã Lý chàng Trương* : Trong *Tình-sử* thường nói Trương-tam, Lý-tứ, anh ba họ Trương, anh tư họ Lý, nghĩa là nay người này mai người khác.

(3) *Bia miệng* : miệng người nói cũng như bia chép.

(4) *Thế sự vẫn thanh* : cuộc đời vẫn đục hay trong.

(5) *Lã-hậu đời Hán, tư-thông với người Tự Cơ*, thường dấu ở trong bức vách.

TRUYỆN TRINH THỦ

À Hồ-dương (1) nọ chẳng vừa,
Cớ gì mà lại toan thờ Tống-công (2).
Kìa như Vũ-hậu cũng nòng,
Mày ngài được sánh bề rồng mấy phen (3).
Vua Đường thoát mới xe tiên (4),
Rủ rèm trong đã có nguyên riêng tây.
Họ Trương (5) đôi gã đẹp thay,
Hứa Tam-tư lại chuyển tay mạn đào.
Điều Thuyền (6) há chính-chuyên nào,
Khi ra Lã Bố, khi vào Đồng-công (7).
Gặp ai thời nấy là chồng,
Cõi đời đâu đấy đều cùng cười chê.
Thủ coi lấy đấy mà suy,
Người thiêng hơn vật nào nghi ở đâu ?
Người thời đắc thế sang-giàu,
Còn cầu thích ý, còn cầu hưu danh (8).
Huống chi vật mọn quần sinh,
Giữ sao vẹn chữ tiết-trình mà bì ».

(1) *Hồ-dương* : tên một công-chúa ở đời Hán Quang-vũ.

(2) *Tống-công* : Tống Hoảng, một người hiền ở đời Hán Quang-vũ, Hồ-dương công-chúa góa chồng, muốn Tống Hoảng bỏ vợ để lấy mình, nhưng Tống Hoảng không nghe.

(3) *Mày ngài được sánh bề rồng mấy phen* : Vũ-hậu hai lần lấy vua, trước lấy Đường Thái-tông, sau lấy Đường Cao-tông.

(4) *Vua Đường thoát mới xe tiên* : Vua Đường Cao-tông mới mất.

(5) *Họ Trương đôi gã* : Trương địch Chi và Trương xương Tôn, hai người đều được Vũ-hậu yêu-mến.

(6) *Điều Thuyền* : một người tuyệt sắc ở cuối đời Đông-Hán, con nuôi của Vương Doãn.

(7) *Khi ra Lã Bố khi vào Đồng-công* : Điều Thuyền đã lấy Lã Bố lại lấy Đồng Trác.

(8) *Có bản chép* : còn cầu thích chi . . .

TRUYỆN TRINH THỦ

Gót đầu nàng lặng ngồi nghe,
Lâu lâu lại ngoảnh mặt đi thở dài.
Chàng nghĩ đàn đã êm tai,
Kề đường lợi-hại nói chơi xa gần.
Rằng : « Thương nàng chữa yên thân,
Ở nơi đình-chủ (1) đông-làn bây giờ.
Khó-khăn nhà xác như vờ,
Nước sông gạo chợ, củi mua củi đồng.
Thịt chẳng có, cá thời không,
Chốn nằm chẳng có màn-mùng che thân.
Gà về bới nát cỏ sân,
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngỗ ngoài.
Chó nằm hè gặm vỏ khoai,
Lợn ngồi dũi đất (2) ngậm hơi gầy-gò.
Vật nuôi còn chữa được no,
Của dâu thừa-thãi để cho đến nàng,
Vả hay tiếc của giữ-giàng,
Giang-san một năm lại càng dẫu-dung.
Vắt chày ra nước ròng ròng (3),
Miếng ăn dè cột (4) chớ hồng mon-men.
Hứng tay dưới, vắt tay trên,
Rán sành ra mỡ (5) bon-chen từng điều.
Treo cổ chó, buộc cổ mèo,

(1) Đình-chủ 停主 : Người chủ trọ. Đây chỉ vào Hồ-minh là người có nhà cho chuột bạch ở nhờ.

(2) Cò bân chếp : Lợn ngồi cũi đất.

(3) Vắt cổ chày ra nước : Câu tục-ngữ, ý nói người rạo-rối.

(4) Miếng ăn dè cột : Câu tục-ngữ, ý nói giấu đi, cất đi thật kỹ, khó lòng lấy ra được.

(5) Rán sành ra mỡ : Câu tục-ngữ cũng giống như vắt chày ra nước.

TRUYỆN TRINH THỦ

Bình dưa lọ muối (1) chắt-chiu nom-dòm.
Vật đầu cá, vá dầu tôm (2),
Liệu thưng (3) bữa sớm bữa hôm ít nhiều.
Hạt rơi hạt rụng bao nhiêu,
Chậu-bồn úp lại, ai đào (4) chẳng ra.
Thấy nằng lòng dạ xót xa,
Châu chan sầu-tủ nghĩ hòa (5) thương cho.
Anh nay nhờ phận ấm-no,
Tổ-nhân thiên táng, huyết do mối đùn (6).
Hội long nhập thủ chuyển khôn (7)
 Bao nhiêu hồ thủy cũng tuôn nhập đoài (8).
Rày chen vượng-tướng (9) hào tài,

(1) Có bản chép : bình rau cọng muối.

(2) Vật đầu cá, vá dầu tôm : Câu tục-ngữ ý nói giặt cái nọ bù vào cái kia, mà thiếu-thốn vẫn hoàn thiếu-thốn.

(3) Liệu thưng : San-xẻ nhiều ít gọi là cho có bữa ăn.

(4) Ai đào cho ra : Ai nạy cho được.

(5) Nghĩ hòa thương cho : Hòa là cùng chung.

(6) Thiên táng, mối đùn : Trời đề mả cho, chứ không phải người đề. Tục-truyền ngôi mộ nào được thiên táng thì mối đùn lên thành mả, người không phải đắp đất.

(7) Hội long : Long mạch khởi tự phương hội là phương tây-bắc. Nhập thủ : vào phía đầu. Chuyển khôn : khôn là quẻ khôn, phương tây-nam, nghĩa là : long mạch đi từ tây-bắc vào phía đông rồi chuyển sang tây-nam.

(8) Hồ thủy : Nước bên tay hồ là tay|phải. Nhập đoài : Đoài bởi chữ đoái đọc chạnh ra, đoái là phương tây.

(9) Vượng-tướng 旺相 : Theo lý ngũ-hành, mộc, hỏa, thổ, kim, thủy ; mộc ở ngôi mộc, hỏa ở ngôi hỏa v. v. là vượng ; hỏa ở ngôi mộc, thổ ở ngôi hỏa v. v. là tướng, tướng nghĩa là giúp.

TRUYỆN TRINH THỦ

Đông-phương tị ngộ mấy đời đến nay (1).
Vả xem cây lộc (2) tốt thay,
Quý-nhân phù-trợ tài này làm nên.
Lại xem tiền-định chẳng hèn,
Mười thầy cũng nói như in một lời.
Số tử-vi đã giải-bày,
Tham-lang thủ mệnh (3) ắt rày vượng thay.
Vây nên gập cửa người đây,
Ngôi cao nhất phẩm, lộc dày thiên chung (4).
Tòa ngang dãy dọc trùng trùng.
Tả lâu hoa tạ, (5) hữu cung ngọc đường.
Cửa thời núi bạc non vàng,
Thóc Chu, lúa Hán (6) kho-tàng xiết đâu.
Thạch Sùng (7) tắc lười lắc đầu,
Nhân-sinh rất mực hòa giàu hòa sang.
Thức gì thức chẳng sẵn-sàng,
Giàu lòng ăn-ở nghênh-ngang một mình.
Vả nhà lắm kẻ hiền-lành (8),
Tụng kinh chẳng nở sát sinh loài gì.
Khí vui khúc-khích đầu hè,

(1) *Đông-phương tị ngộ* : Tị là đông-nam, ngộ là chính-nam, mạch chuyển từ đông sang nam.

(2) *Cây lộc* : một phép xem bói, lấy lá cây hay bông hoa mà đoán sự tốt xấu.

(3) *Tham-lang thủ mệnh* : sao tham-lang đóng ở cung hân-mệnh.

(4) *Thiên chung 千鍾* : nghìn chung gạo, ý nói lương-hàng nhiều.

(5) *Hoa tạ 花榭* : nhà trồng hoa.

(6) *Thóc Chu, lúa Hán*, hai triều vua rất giàu, kho-tàng chứa nhiều thóc lúa.

(7) *Thạch Sùng 石崇* : tên một người rất giàu ở đời Tấn.

(8) *Có bản chép* : vả nhà mấy kẻ hiền-lành.

TRUYỆN TRÌNH THỬ

Dấu rằng gia-chủ chẳng hề dễ-dui (1).
Ngắm thân được chốn an vui,
Hiềm vì một chút số sui muộn-màn.
Muốn cho vẹn nghĩa Tấn Tần,
Tìm phương phụ-hậu (2) ân-cần những lo.
Đã từng xem quẻ bói rùa (3),
Còn toan bói hạc (4) xem cho mới đành.
Nghe rằng Già-pháp thần-linh (5),
Quyết lòng cầu tự đình-ninh đến chùa.
Trong nhà hắc hồ (6) trấn phù,
Sinh con sinh cái nuôi cho dễ-dàng.
Tìm thầy Biển Thuốc lập phương (7),
Mã-đề, qui-bản, sà-sàng, lộc-nhung (8).
Nhân-sâm, liên-nhục, mật-ong (9),
Pha cao hồ-cốt ban-long luyện hoàn.
Bỏ trong ngũ nội (10) đã an,
Vợ chồng lục-vị, thập-toàn (11) uống chung.
Trong lòng còn nghĩ chưa xong,
Rắp tìm một kẻ thiên-phòng (12) chưa ai.

-
- (1) Có bản chép : tủng rằng ông Tí chẳng hề dễ-dui.
(2) *Tìm phương phụ-hậu* : tìm cách giúp vào hào tử-tức.
(3) *Bói rùa* : cách bói bằng mai rùa.
(4) *Bói hạc* : cách bói già-hạc, tức là cách bói gieo ba đồng tiền.
(5) *Già-pháp* 伽法 : Phép cầu cúng của nhà chùa.
(6) *Hắc hồ* : Hồ đen, vẽ hình hồ đen để trấn trạch.
(7) *Biển Thuốc* 扁鵲 : tên một thầy thuốc rất giỏi về đời Xuân-thu.
(8) *Mã-đề* : tên một vị thuốc. *Qui-bản* : thứ cao nấu bằng mai rùa. *Sà-sàng* : tên một vị thuốc. *Lộc-nhung* : nhung hươu. Bốn vị này đều là thuốc bổ.
(9) Có bản chép : nhân-sâm, hồng-nhục, mật ong.
(10) *Ngũ-nội* 五內 : ngũ tạng.
(11) *Lục-vị*, *Thập toàn* : tên hai phương thuốc bổ.
(12) *Thiên-phòng* 偏房 : vợ bé.

TRUYỆN TRINH THỦ

To đầu vú, cả dài tai,
Dày nơi ngư-vĩ, cao nơi ngoạ tâm (1).
Biết đâu như thế mà tìm,
Nhờ tay nguyệt-lão khéo đem kết duyên.
Hôm qua máy mắt cho liền,
Nhện sa trước mặt báo tin ngoài thềm.
Bể chun gà mới so xem,
Vững con, tươi cái, ngoài đụn quá nôi (2).
Cho hay duyên-kiếp bởi trời,
Nghiệm xem báo ứng rạch-rời chẳng sai.
Hôm nay mẹ nó đi chơi,
Phỏng chừng cũng đến có đôi ba ngày.
Mà nàng lạc lối tới đây.
Vả coi hình-tướng cũng tày nàng Oanh (3).
Khác loài tước bộ xà hành (4).
Lại xem phu tướng kiên-trinh ai bì.
Muốn nên một chút nghĩa chi,
Chẳng hay nàng có khứng (5) vì cùng chẳng ?
Đưa duyên nhờ gió gác Đăng (6).

(1) *Ngư-vĩ* 漁尾 : đuôi con mắt. *Ngoạ tâm* 卧雲 : chỗ dưới mí mắt. Theo trong sách tướng, ngư-vĩ dày và ngoạ-tâm cao là nhiều con.

(2) *Vững con, tươi cái, ngoài đụn quá nôi* : Theo cách xem chun dò con là ngón trỏ, cái là ngón giữa, ngoài là ngón ở ngoài, nôi là giữa ; ngoài đụn quá nôi là ngón ngoài chỉ vào ngón giữa.

(3) *Nàng Oanh* : Trong truyện Tây-sương nàng Thôi Oanh Oanh là một nàng có cả tài-sắc ở vào đời Đường.

(4) *Tước bộ, xà hành* 雀步蛇行 : bước nhảy-nhót như chim sẻ, đi vắn-vẹo mình như con rắn là những tướng rất hèn, rất xấu.

(5) *Khứng* : chịu, bằng lòng, (tiếng cũ).

(6) *Đưa duyên nhờ gió gác Đăng*. Bởi câu thơ : Thời lai phong tống滕王閣, lúc gặp thời may-mắn, thì làm việc gì cũng dễ-dãi, nhẹ-nhàng như gió thổi qua gác Đăng-vương.

TRUYỆN TRINH THỦ

Đành hay con tạo nhắc bằng đồng cân.
Sau toan cách cự đỉnh tân (1),
Lại vầy lại hợp cho nhuần sớm khuya,
Nọ là núi chỉ non thề,
Bất kỳ nên nghĩa tương kỳ mới hay.
Đem con sang ở bên này,
Phòng khi ấm-lạnh đỡ thay cho mình.
Nơi ăn chốn ở chung-chỉnh (2),
Chẳng lo khó-nhọc cũng đành ấm-no ! »
Nàng nghe chàng nói nhỏ to,
Bây giờ mới kể sự Hồ Quý-Ly :
« Làm người mang tính hồ-nghĩ,
Thấy người cốt-ngạnh chẳng vì chẳng yêu (3).
Vấy-vùng ếch giếng tự kiêu,
Tham-lam chẳng khác Lý-miêu đời Đường (4).
Bệ rồng gác phượng tắc gang,
Quen lòng khuyến-mã toan đường đông thân.
Nỡ làm đổ quốc (5) hại dân,
Những phần ích-kỷ nào phần ích ai.
Rời ra động đất chuyển trời,
Bây giờ có lẽ đứng ngồi làm thình.

(1) *Cách cự đỉnh tân* 革舊鼎新 : Cách và Đỉnh là hai quẻ ở trong kinh dịch, lấy tượng là thay đổi. Cách cự đỉnh tân là đổi cũ thay mới.

(2) *Chung-chỉnh* : Cùng chung, ở chung (tiếng cũ).

(3) *Thấy người cốt-ngạnh chẳng vì chẳng yêu* : Không ưa những người cốt-ngạnh là những người trung-trực.

(4) *Lý-miêu đời Đường* : Lý Nghĩa-Phủ ở đời Đường Cao-tông, trong bụng rất hiểm-độc, nhưng ngoài mặt vẫn làm bộ nhu-mi, người đời bây giờ đặt tên là Lý-miêu, con mèo họ Lý.

(5) *Đổ quốc* 覆國 : Làm con mọt của nước.

TRUYỆN TRINH THỦ

Cá ao lẹ nữa cháy thành (1),
Cũng nhiều cấp (2) phải lánh mình cho hay.
Sao bằng đình-chủ thiếp nay.
Ba gian oa-xá (3) thảng ngày tiêu-dao.
Chẳng lo đuổi thỏ săn hươu (4),
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thi.
Kính-nghe vui thú kính-nghe,
Tép-tôm thi lại vui bề tép-tôm.
Xem loài bán thỏ buôn hùm (5),
Thấy mỗi như trĩ bởi tham mắc giò (6).
Thà ăn cáy ngáy o o,
Còn hơn ngay-ngáy ăn bò làm chi (7).
Chớ quen bán chó mua dê,
Vui cùng hạc nội ham chi gà lồng (8).
Sá chi chiều (9) ấy như không,
Xác vạ lưỡng chịu tiếng trong cõi đời.

(1) Cá ao lẹ nữa cháy thành. Thành môn thất hỏa, họa cấp trì ngư 城門失火，禍及池魚：Cháy ở cửa thành và lây đến cá dưới ao. Lẹ là sợ. Có bản chép là cá ao sợ nữa cháy thành.

(2) Cũng nhiều cấp phải. ... cấp là kíp.

(3) Oa-xá 窩舍：Cái nhà nhỏ, cũng như cái hang cái lổ, có bản chép là thảo-sa.

(4) Đuổi thỏ săn hươu：Đuổi con thỏ, săn con hươu, chỉ về sự tranh bá đồ vương ở trên đời.

(5) Bán thỏ buôn hùm：Bán con thỏ để mua con hùm, ý nói bỏ sự yên-lành, chuốc lấy sự nguy-hiểm.

(6) Thấy mỗi như trĩ bởi tham mắc giò：chim trĩ chỉ vì tham mỗi mà mắc bẫy, vì như người ta chỉ vì tham danh-lợi mà mắc tai-nạn.

(7) Ngay-ngáy：đáng-bộ lo-lắng. Có bản chép là：còn hơn phải-phát ăn bò mà lo.

(8) Hạc nội：Chim hạc ở ngoài đồng ví như người được tự do.

(9) Sá chi chiều ấy ... chiều：bề, phương-diện.

TRUYỆN TRINH THỦ

Gặp sao hay vậy, bao nài,
Cớ chi mà phải nghe ai bây giờ.
Chàng rằng : « Hãy được nương-nhờ,
Bao giờ biến-cải bấy giờ sẽ hay.
Chừa khi đến nổi cháy mày (1),
Vội chi mà bỏ chốn này đi đâu,
Mặc khi báo-ứng nhiệm-mầu,
Quý-Ly dù có về sau chẳng tuyền.
Cưới rồng (2) ta đã bằng nguyên,
Ứng điềm hùng hỷ (3) vầy đoàn gái trai.
Chước nào ước được như lời,
Cũng đành muôn kiếp ngàn đời chẳng quên. »
Nàng rằng : « Lời dạy quá nên,
Song trong lòng nọ đá vàng dăm nguôi.
Tuy rằng nương-náu ở đời,
Dường ve gầy-gục, dường giới võ-vàng.
Những lo trọn đạo thờ chồng,
Chồng sao thiếp vậy, kéo càng xấu nhau.
Hầu mong nát ngọc trầm châu (4),
Lầu cao chẳng quản giếng sâu chẳng từ.
Bận vì một lũ con thơ,
Mong khi cả lớn bấy giờ sẽ hay.

(1) *Cháy mày* : gốc ở chữ nhiên mi 燃眉, cháy lông mi, nói về sự cần-cấp ngay trước mặt.

(2) *Cưới rồng* 乘龍 thừa long : Cưới rồng, chỉ về sự cưới vợ lấy vợ.

(3) *Ứng điềm hùng hỷ* : Kinh Thi : Duy hùng, duy bi, nam-tử chi tường, duy hỷ, duy xà, nữ-tử chi tường, nghĩa là chiêm-bao thấy con gấu, con báo là điềm tốt sinh con trai; chiêm-bao thấy con rắn, con rết là điềm xấu sinh con gái.

(4) *Nát ngọc trầm châu* : Làm cho viên ngọc vỡ, hạt châu chìm, ý nói tự-tử để thủ-tiết với chồng.

TRUYỆN TRINH THỦ

Vì đeo tình nước lòng mây,
Thì chi chim Việt đổ rày cành nam.
Mấy thu nước mắt chan com,
Lưng canh đĩa muối quả đơm thường lè.
Bồi phân làm thập nhị chi (1),
Trong kinh ghi dạy Thử-bì (2) còn gương.
Dám dẫu lỗi đạo cương-thường,
Nghĩa phu-phụ nữ dám đường bội vong.
Thấy câu phu xướng phụ tòng,
Ghi lời tiên-thánh, dặn lòng đình-ninh.
Há còn kén cá chọn canh,
Com nem đã trải tay chanh đã từng (3).
Ơn chàng thương kẻ lỡ chừng,
Xin đừng dạy tiếng gió trắng nữa rày ».
Nghe lời chàng mới chau mày,
Nghĩ rằng tiết ngọc khó lay được nào.
Dĩ-dành không biết chước sao,
Vẫn là hờ-hững làm cao với mình.
Lại bày lời khác ướm tình,
Đề xem lòng gái tiết-trinh kia là :
« Rày nhân bướm được gần hoa,
Thuyền ngư-ông tới doanh mà chẳng nhưng (4).

(1) *Thập-nhị chi*, mười hai hàng chi, tí là chuột đứng đầu hàng.

(2) *Thử bì* 鼠皮 : da con chuột. Thơ Tương-thủ trong kinh Thi nói con chuột còn có da, ví như người ta cần phải có lễ-nghĩa.

(3) *Com nem đã trải, tay chanh đã từng* : hai câu này đều ở hai câu tục-ngữ. Câu trên ý nói đã từng nuôi chồng tự lờ lẩn-vì đi học-hành, nơi xa nhà ; câu sau nói đã từng nuôi chồng khi đau-yếu.

(4) *Thuyền ngư-ông tới doanh mà chẳng nhưng* : Thuyền người đánh cá đã tới doanh nước, lẽ nào lại không chẳng lưới ra để đánh cá.

TRUYỆN TRINH THỦ

Chàng Lưu (1) từ sánh ả Hằng,
Bởi chung gặp-gỡ há rằng rấp-rinh.
Bạch-viên xưa kết Tôn-sinh (2),
Chẳng vì dan-diu, bỏ kinh tông quyền.
Cầm lành dù chẳng nổi huyền,
Nghe trong tình-ý còn nên tiếng gì ;
Bá Nha đã gặp Tử Kỳ (3),
Bảo sơn ai nữ trở về tay không » (4).
Nghe lời nàng mới ngán xong,
Rằng sao quân-tử ra lòng sài-lang.
Qui dâm (5) ghi lại còn gương,
Trong kinh giới-sắc sao chàng chẳng răn.
Tràng Khanh (6) tư ả Văn Quân,
Tống-sinh (7) dùng gái chủ-nhân chẳng vì.
Chàng sao chưa tát sông mê,
Xui ai cải tiết biến nghi sao đang.
Vi lòng thiếp chẳng đá vàng,
Thời danh-tiếng ấy nữa chàng để đâu ?

(1) *Chàng Lưu từ sánh ả Hằng* : Lưu là Lưu Thần, Hằng là Hằng Nga ; chàng Lưu Thần vào núi Thiên-thai gặp tiên.

(2) *Bạch-viên xưa kết Tôn-sinh* : Trong bộ Tục-thế-thuyết : vườn trắng hóa làm người, lấy Tôn Khất-sinh được hai con.

(3) *Bá Nha là người gảy đàn hay*. Chàng Tử Kỳ là người hiểu được tiếng đàn.

(4) *Bảo sơn ai nữ trở về tay không* : Không ai đã vào núi có ngọc báu mà lại trở về tay không.

(5) *Qui dâm* : Tính rùa đa dâm, người ta thường dùng trong tiếng tục-hoại, như ô-qui, lão-qui để dùng gọi những hạng dâm-ô, dâm-tiện.

(6) *Tràng Khanh tư ả Văn Quân* : Tư-mã Tương-như tên tự là Tràng Khanh có tư tình với nàng Trác văn Quân.

(7) *Tống-sinh dùng gái chủ-nhân chẳng vì* : Tống Ngọc phải lòng người con gái chủ nhà bên láng-giềng, có làm bài thần-nữ phú.

TRUYỆN TRINH THỦ

Chàng nghe thấy nói gặt đầu,
Rằng : « Anh là kẻ bất cầu lợi-danh.
Chớ tin bạch-diện thư-sinh (1),
Một văn luận thủ (2) mà khinh giá này.
Xiết bao bướm lũ ong bầy,
Chẳng quen khoét vách, chẳng hay leo tường(3).
Dám nào thiết ngọc thấu hương (4),
Gìn trong danh-tiết lánh đường phiền hoa.
Vị dù đem thối dâm-tà,
Mày loan tóc phượng vào ra hiểm gì.
Tin chim thư cá gửi đi,
Cũng nhiều nơi rấp nơi vì riêng tày.
Đắp tai làm mặt chẳng hay (5),
Những lời hoa-nguyệt xưa nay chưa hề.
Thấy nàng gái ở có nghi,
So xem khác giá nữ-nhi thời này.
Ước nên chút nghĩa nước mây,
Chẳng mê gì sắc bởi say vì tình.
Chúa xuân đâu có đành-hạnh,
Đến vườn cũng bẻ một cành cho cam.

(1) *Bạch diện thư-sinh* 白面書生 : Người học-trò mặt trắng, thông gọi chung hạng học-trò và các nhà văn-sĩ.

(2) *Một văn luận thủ* : Tô Đông Pha làm bài Hiệt-thủ phụ là rõ cái tinh tinh-quái của con chuột.

(3) *Khoét vách leo tường* : Nói chuột khoét thủng vách leo qua tường, nhưng ám-chỉ về sự trai gái khoét thủng bức vách để dòm nhau hay là trèo qua tường để đi theo nhau.

(4) *Thiết ngọc thấu hương* 窃玉偷香 : Ăn trộm ngọc, ăn cắp mùi thơm, chỉ về sự dâm-dầu thâm-vụng.

(5) *Đắp tai* : Bịt tai, có bản chép : Bưng tai làm mặt không hay.

TRUYỆN TRINH THỦ

Rời ra đôi ngả bắc nam,
Dấu lòng thu tưởng xuân tìm được chẳng (1).
Tình xuân vi chẳng dãi-dẳng,
Cũng đã mang tiếng rằng rằng bề ngoài (2).
Dứt lời nàng mới giải-bày :
« Những điều mặt dạn mày dày khó coi.
Vườn xuân chàng sẵn có nơi,
Nguyệt-hoa sao nở ép-nài như ai.
Bây giờ rừng mặt vách tai (3),
Việc trong mới rắp kể ngoài đã hay.
Vàng trắng đã ngả về tây,
Đề cho thiếp trở về rày với con.
Đường trường trở cách nước non,
Lũ hài (4) tưởng nó hãy còn thơ-ngây.
Nề lời quanh-quất mãi đây,
Hoặc người về đó lời này tiếng kia (5).
Lại càng đại dáng nga-mi,
Trăm năm danh-tiết xướng tùy sao đang.
Vi đem tang-bộc (6) thói thường,

(1) *Dấu lòng thu tưởng xuân tìm được chẳng* : Thu tưởng xuân tìm : Mùa thu tưởng nhớ, mùa xuân đi tìm, ý nói những sự mong-ước hão, không bao giờ thành được sự thực.

(2) *Cũng đã mang tiếng rằng rằng bề ngoài* : Bề trong tuy chưa có gì, nhưng bề ngoài đã mang tiếng rồi. Có bản chép : Cũng đã mang tiếng lảng-nhăng bề ngoài.

(3) *Rừng mặt, vách tai*. Có bản chép rừng mạch vách tai.

(4) *Lũ hài* : Lũ hài-nhi, lũ trẻ con.

(5) *Hoặc người về đó lời này tiếng kia* : tiếng người, ở đây chỉ vào vợ chuột đẻ.

(6) *Tang bộc* : Tang gian 桑間, trong bãi dâu ; *Bộc thượng* 滌上 : Trên bờ sông Bộc, chỗ trai gái hẹn-hò nhau. Tên hai bài hát ở trong kinh Thi làm ra để chê thói dâm-bôn.

TRUYỆN TRINH THỦ

Xưa nay dạ sắt gan vàng như không ».
Biết rằng nàng chẳng chuyển lòng,
Bấy giờ chàng mới nói sòng họa may :
« Vốn người chính thất nhà này,
Trâm-anh lệnh-tộc (1) xưa nay vẫn là.
Đàn-bà ấy mới đàn-bà
Ngọt-ngào có một, sai-ngoa chưa từng.
Chịu chồng khuya sớm nở-nang,
Phải chẳng chẳng dám cạy răng một lời.
Ra vào bất tiếng ngậm hơi,
Một mình săn-sóc hôm mai nhọc-nhần.
Muốn cho được kẻ đỡ-dần,
Quan-quan hảo điều (2) muôn phần những mong.
Chẳng như kẻ bắc người đông,
Ghen-tuông vì nổi chồng chung nồng-nàn.
Cát leo cù-mộc (3) rắp toan,
Xích-thắng xui khéo tạo-đoan một niềm.
Được nàng làm chị làm em,
Cùng ăn, cùng ở, chẳng hiềm giận chi.
Nàng rằng : « Chàng dạy thế thì,
Phụ-nhân đồ-ky xưa kia còn lời.
Phương-ngôn câu ví đề đời,

(1) *Trâm-anh lệnh-tộc* 替纓令族 : Trâm là cái trâm
chỉ đầu. Anh là cái đai mũ, chỉ chung về bậc khoa-hoạn.
Lệnh-tộc của họ danh tiếng.

(2) *Quan quan hảo điều* : Chim tốt tiếng kêu êm-dịu. Kinh
Thi thơ « quan quan thư-cư », chim thư-cư tiếng kêu êm-
dịu vì như Chu-hậu khi đức-tính hòa-thuận, bao-dung mọi
kẻ ti-thấp.

(3) *Cát leo cù-mộc* : cát là một thứ cây leo, cù-mộc là cây
lơ. Kinh Thi : nam-hữu cù-mộc, cát-lũy oanh chi : phương
nam có cây lơ, dây cát-lũy tựa vào mà leo lên, nói ví người
vợ lẽ như người vợ cả che-chở.

Nhường cơm nhường áo để ai nhường chồng ?

Hiếm chi trong chốn non sông,

Thiên-hương quốc-sắc như bông hoa đèn (1).

Sá chi nửa cánh hoa tàn,

Tình kia ý nọ bàn-hoàn nửa chi.

Thiên cao mà lại thỉnh ti (2),

Trên đầu chẳng nghĩ còn thì có ai.

Cố lòng ép trúc nài mai,

Mượn dao thiếp quyết một bài cho xong. »

Bấy giờ kinh-sợ hãi-hùng,

Bát-trân (3) chàng mảy giải lòng cho qua.

Rằng : « Nàng may lại tới nhà,

Tiền đưa một tiệc gọi là cố tri.

Dẫu rằng đưa muối chớ nê,

Còn thừa nàng phải đưa về cho con.

Gọi là của khác nước non,

Đưa ra mọi thức miếng ngon mỹ-hào (4).

Nem lân, chả phượng, yến sào,

Đàn con chưa dễ biết bao mùi này ».

Trình rằng : « Nhà thiếp xưa nay,

Ngày nào cũng phải như ngày thanh-minh (5).

Vả trong cương tỉnh phong thanh (6),

(1) Có bản chép : thiên-hương quốc sắc nào-nùng chiêu dâm.

(2) *Thiên cao mà lại thỉnh ti* 天高聽昇 : trời ở cao nhưng nghe thấp, nghĩa là sự hay-dở ở thế-gian trời đều biết cả.

(3) *Bát-trân* : tám món đồ nấu quý lạ.

(4) *Mỹ-hào* : đồ ăn ngon.

(5) *Thanh-minh* : một tiết trong mùa xuân, ta lấy tiết này làm ngày đi tảo mộ, ở đây có ý nói là vắng-vẻ buồn-tẻ.

(6) *Cương tỉnh phong thanh* : Cương là bờ-cối, tỉnh là giếng nước, biểu là làng-xóm, phong là phong-tục, thói-nếp, thanh là thanh-danh, tiếng-tâm : nghĩa là thói-nếp tiếng-tâm ở chỗ làng-xóm.

TRUYỆN TRINH THỦ

Giang-sơn một giải triều-đình tri danh (1).

Mở-mang trời cũng có mình (2),
Lẽ nào dám đề thương tình cười chê.

Xin thôi cho thiếp trở về,
Ơn chàng non núi đề thì đền sau ».

Rằng : « Bây giờ chưa thấy đâu,
Chẳng là rồi đến mai sau tích gì.

Cho hay rằng thói nữ-nhi,
Biết chẳng chỉ có một bề mà thôi ».

— « Chàng sao khéo nói nên lời,
Hoa kia nguyệt nọ ra người phải ru ? »

Bấy giờ trong dạ oán-thù,
Lặng ngồi chàng mới nghĩ cho rạch-ròi :

Như ta cứu nạn cho rồi,
Cũng nên ơn nặng muôn đời chớ sao.

Thế mà nhiều, nổi ước-ao,
Thấy nào trả nghĩa, thấy nào trả ân.

Khôn-ngoaan rất mực hồng-quần,
Tại bình (3) mà nói dối dần cũng xuôi.

Nghĩ thương thân-phận lạc-loài,
Chồng con nào có biết ai hay là.

Trông người ra cách phong-hoa,
Thế mà những thói dâm-tà thời không.

Hay buồn (4) lý bắc lân đông,

(1) Tri danh : biết tiếng.

(2) Thiên-sinh ư Ti : Trời mở ra từ hội Ti ; Ti là tượng con chuột, cho nên nói là : mở-mang trời cũng có mình.

(3) Tại bình : nữ-tử tại bình : người con gái ngồi trong bình-phong, nghĩa là ngồi một chỗ, không bước chân ra ngoài.

(4) Lý bắc lân đông : bên bắc làng, bên đông làng-giềng, ý nói người chỗ này người chỗ khác.

TRUYỆN TRINH THỦ

Cho nơi cốt-cách mà lòng chẳng yêu.
Nay ta nói đã đến điều,
Chẳng lay tiết ngọc, chẳng xiêu lòng vàng.
Tính rằng khuyên-dỗ lấy nàng,
Đỡ khi chim cá, tiện đường chung-tư (1).
Nghĩ mình là kẻ văn-thư,
Đầu-duôi nghĩ lại mà dơ-dáng đời.
Thôi thì thôi cũng chịu thôi,
Kiếm đường chữa thẹn mấy lời cho qua :
« Thiềm-cung (2) bóng đã tà tà,
Khuyên rằng mau trở lại nhà với con.
Những lời ban tối nỉ-non,
Thấy nàng có dạ sắt-son thử tình.
Trăng hoa coi những làm thình,
Có trời hẵn biết cho mình mà thôi.
Vi dù đây cũng như ai,
Ép tình cá nước phải nài-nắm chi (3).
Nàng hay nói quái nói kỳ,
Xưa nay âm thịnh dương suy thường tình (4).
Khen cho một dạ kiên trinh,
Dẫu rằng nghiêng nước nghiêng thành dễ đâu.
Xin đừng để tiếng cho nhau,
Cành hoa còn giữ được màu tại ta ».
Thưa rằng : « Thân-phận đàn-bà,
Trông ơn đã được khỏi qua nạn rồi.

(1) *Chung-tư* : tên một bài hát trong Kinh Thi, chung-tư là con bọ ngựa, sinh nhiều con.

(2) *Thiềm-cung* : cung con thiềm-thù, tức là mặt trăng.

(3) Có bản chép : lấy điều củ-củ phải nài-nắm chi.

(4) *Âm thịnh, dương suy* : khí âm thịnh, khí dương suy, ý nói đàn-bà hơn đàn-ông.

TRUYỆN TRINH THỦ

Đức dày đành trả muôn đời,
Nghe lời thiếp phải liệu lời kêu ca.
Ơn dày trả nghĩa trắng hoa (1),
Lại là nghiệp-chương lại là trái duyên.
Xin chàng nghĩ lại chớ phiền,
Đừng hồ-nghi nữa thiếp xin trở về ».
Bấy giờ sắp-sửa ra đi,
Vợ chàng lo-lắng việc chi đã về (2).
Thấy chàng đưa tiễn đề-huê (3),
Ngâm thơ mà giải lòng quê kéo nồng (4).

Thơ rằng :

« Non sông cách trở vãng ba thu,
Giấc bướm mơ-mòng núi vọng-phu.
Khen kẻ rắp cùng gan phượng chạ,
Trách chàng toan tuốt ruột tằm khô.
Một niềm dạ sắt in vàng thỏ,
Mấy lúc lòng vàng chỉ bóng ô.
Chăn-gối lẻ-loi đã mấy tối,
Mà lòng đã nở thể kia ru ! »

Chuột bạch tức ý họa rằng :

« Danh-tiết kia mà biết mấy thu,
Nghe quỳên khoắc-khoải tiếng tư-phu.
Mây ngai hoa ử sâu khôn tả,
Má phấn châu rơi giọt chẳng khô.

(1) *Ơn dày trả nghĩa trắng hoa* : lấy sự tình-dục mà đền lại ơn nghĩa.

(2) Có bản chép : vợ chàng đầu bồng liền về tới nơi.

(3) Có bản chép : thấy chồng đưa tiễn một người.

(4) Có bản chép : tức mình thơ-thần một bài liền ngâm.

TRUYỆN TRINH THỦ

Chút nghĩa đã nguyên vàng ngọc-thỏ,
Tấm lòng phỏ mặc bóng kim-ô.
Thâu đêm mang tiếng rằng kia nọ,
Dạ sắt gan vàng dễ biết ru ! »

Họa thi rồi tạ lấy lòng.
Giãi-bày có cả vợ chồng cùng nghe :
« Gặp cơn sóng gió bất kỳ,
Nhờ ơn cứu-vớt đêm khuya nặng tình.
Có nhà chị cũng như anh,
Người ta ai cũng lòng lành như ai.
Đề chừng bắt bóng dong-dài,
Đá mòn đã vay, miệng người thì sao ?
Xưa nay danh-giá thế nào,
Vi tôi một chút ra vào cho nên.
Phải chăng chị đề em xin;
Bận lòng lo-lắng giang-sơn nổi nhà ».
Bây giờ nàng đã bước ra,
Liệu điều chàng cũng giải hòa cho xuôi.
Nàng rằng : « Trong bấy nhiêu lời,
Rào sau đón trước cho ai đó mà.
Chẳng tư túi, chẳng trăng-hoa,
Tội chi mà thiết việc nhà người dưng ».
Tía tai đỏ mặt bừng bừng,
Vật mình nàng lại vang-lừng nói ra :
« Cờ chi thiếp mới vắng nhà,
Đã lòng nhử nguyệt quuyến hoa toi-bời.
Vừa lòng thích ý thì chơi,
Nhà này còn có xem ai ra gì ?
Cửa-nhà lo-lắng sớm-khuya,

Sương se mạ cạn đi về xiết bao (1).
No cơm thì rửng hồng-mao (2),
Dục hà dục hĩ muốn sao thì làm.
Ai ngờ mặt sứa gan hằm.
Rắn toan gà luộc rượu tắm thỏa lòng.
Khác nào như nhện đánh vòng,
Ếch kia trong giếng còn mong kẻ dõ.
Đói thì đầu gối biết bò,
No cơm ấm cật còn lo-lãng gi.
Chẳng thương đến nỗi thê-nhi,
Tìm mỗi khuya sớm đã đi dờ chàng.
Trở về vừa đến đầu tường,
Thấy con muông đứng cửa hang nó rình.
Đã lâu nghe vắng phong thanh,
Ngậm hơi như thóc đem mình về đây.
Lại e lũ khỉ buông dây (?),
Đến nhà nên nổi nước này mà thương ».
Ghén-tuong nhiều tiếng dờ-dương,
Chàng van như cốc, bày tường đầu đuôi.
— « Canh khuya chưa nhấp (3) còn ngồi,
Lạ vì vắng-vẻ thức coi cửa-nhà.
Bỗng nghe ngoài chốn tường hoa,
Tiếng con muông (4) sủa từ xa lại gần.
Chút vì (5) nằng mõi lỗ chân,
Hoặc khi muôn một trở ngăn đường nào.

(1) *Sương se mạ cạn đi về xiết bao* : sương là ruộng gleo mạ, sương se là ruộng hết nước, ý nói làm-lụng đi về vất-vã.

(2) *No cơm thì rửng hồng-mao* : cũng như no cơm ấm cật, dâm-dật mọi nơi.

(3) *Nhấp* : ngủ.

(4) *Muông* : con chó.

(5) *Chút vì* : sợ rằng.

TRUYỆN TRINH THỦ

Song nga (1) chưa biết làm sao,
Bồi-hồi gan vượn (2) xôn-xao khúc tằm.
Thập-thò hầu rắp ra thăm,
Thấy nàng Bạch-thử đậm-sằm vào hang.
Dữ lành hai lẽ chưa tường,
Giắt tay đã bảo có đường tìm ra.
Nói rằng trong nghĩa lân-gia,
Phải con muông đuổi thể sa đường cùng.
Một mình thân gái long-đong.
Dám xin cứu nạn ơn lòng chẳng quên.
Một làm phúc, hai làm duyên,
Chẳng nề cho ở một bên hẹp gi.
Vừa ngồi một chốc lại đi,
Há rằng có ý-từ gì cùng ai.
Cớ sao gieo (3) nặng những lời,
Nghe ra chẳng chút vào tai cũng phiền ! »
Nàng rằng : « Sự đã quả-nhiên,
Nào ai nói đặt cho nên đoan-trường.
Vợ con vừa bước ra đường.
Ở nhà thắc-mắc lo-lường đứng trông.
Phỏng rằng cây da cây lòng,
Thể thì đổ gái về phòng làm chi ?
Ngửa-nghiêng như ốc biết gì,
Bật ngay tẩn-hẩn dường dè mắc sừng.
Thôi thôi chẳng lọ nói-nặng.
Dấu voi ruộng rạ nghĩ rằng kín thay.

(1) Song nga : phân-vân bên nọ bên kia, chưa rõ ra thể nào.

(2) Bồi-hồi gan vượn : con vượn có tính hay ngờ hay sợ.

(3) Có bản chép là đề nặng.

(4) Thắc-mắc : không ngồi yên.

TRUYỆN TRINH THỦ

Hang hầm ai dám móc tay,
Chuột nào lại dám cắn dây buộc mèo.

Ắt là toan rắp thế nào,
Không dung ai có bồng theo về nhà.

Ruồi kia một phút bay qua,
Biết là đực cái lọ là sự ai (1).

Ở trong chưa tỏ bằng ngoài,
Dễ mà ăn cáy bưng tai được nào (2).

Mê-say chìm-đắm má đào,
Như mèo thấy mỡ khát-khao thật là.
Già chẳng thương (3), trẻ chẳng tha,
Khác nào như ếch thấy hoa thì vồ (4).

Thuồng-luồng ở cạn có ru,
Mà toan bắt-chước đưa ngu sờ-sờ.

Chiếu-chắn nào có hững-hờ,
Mà như voi đói thì vơ dong-dài.

Quen mùi bạn khác ăn chơi,
Có ngày cũng được như ai ghẻ tàu (5).

Bấy giờ khốn đồ cho nhau,
Miệng kên gọi chó, tay mau đuổi ruồi (6).

Vì dù lắm phải vợ ai,
Giòng sông bè chuối mới hay cho đời.

(1) Hai câu này ý nói là người tinh ý, không cái gì cho mắt được.

(2) Ăn cáy bưng tai : ăn cáy hay ngứa tai, phải gãi, ý nói sự thật không dấu được.

(3) Thương : ở đây có nghĩa thương-hại.

(4) Ếch thấy hoa : ếch vồ hoa dâm bụt, nói người tham.

(5) Ghẻ tàu : bệnh dương-mai.

(6) Câu này nói người có bệnh dương-mai, miệng thì nói-nhơn kêu đau, tay thì xua ruồi, vì lỗ-lỏi bần-thiêu.

TRUYỆN TRINH THỦ

Sáng tai họ, điếc tay cày (1),
Mà lòng lại tưởng đến người đào thơ.
Những mong lại có bao giờ,
Cho khuấy-khỏa dạ kéo mơ-mẩn tình.
Vi không duyên nợ ba sinh,
Nàng sao gặp nổi bất bình tới đây ?
Nghĩ càng như tỉnh như say,
Mặt như dầu lợn nhìn thầy tro-tro (2).
Nàng ngờ phải thuốc phải bùa,
Ve sầu xác rữ (3) nó cho ăn quàng.
Cho nên thơ-thần vô-vàng,
Tìm lươn cho kíp cháo thang già-giùng.
Kéo lòng tơ-trưởng mơ-mòng,
Khỏi hồn Thục-đế, khỏi lòng Đỗ-quyên.
Bấy giờ tỉnh-nết đã quen,
Chắc rằng cua lổ khó lên trên trời.
Nàng rằng bắt chạch đàng đuôi,
Kiện vô-chứng cớ khôn đời đời-co.
Nguyên viết hữu, bị viết vô,
Minh đơn so với duyên-do thế nào.
Nó thời nhất hướng tại đào,
Đi lên rừng biết đường nào truy-đương (4).
Vô tang tích-tịch tình-tang,
Khôn làm lý-đoán cho tường được đầu.

(1) *Sáng tai họ, điếc tai cày* : con trâu lười, khi người bảo nó nghĩ thì nó nghe ngay, khi người bảo nó cày thì nó lờ đi như điếc, ý nói người không thích làm chỉ thích chơi.

(2) *Đầu lợn nhìn thầy* : mặt dần ra như đầu lợn lúc nhìn thầy cúng.

(3) *Ve sầu xác rữ* : xác ve sầu và xác con quóc là thuốc bùa mê.

(4) *Truy-đương* : là tiếng việc quan, nghĩa là bắt bớ bắt đền.

TRUYỆN TRINH THỦ

Rằm nhà tiếng hỏi lao-xao,
Ai hay rằng sự dẫu dẫu hờ đuôi.
Vẫn còn thêm thịt thêm xôi,
Ngày thường cơm tẻ thiếp nuôi lệ gì.
Có cãi rằng qui dịch thê (1),
Gái này chẳng dám năn-ni thương-yêu.
Già rồi lận-cận bỏ liêu,
Sá chi vú ếch lưng eo sồ-sề.
Chẳng ưa cà chín bầu già,
Tuổi đã dư lạp (2) lịch đã quá niên (3).
Có trắng nên nổi phụ đèn.
Chẳng ngon thê sốt, thời liền bến hơi,
Cười ra nước mắt hồ người,
Khen ai khéo đặt nên lời ví xua :
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên vắng ngắt như chùa bà Đanh (4).
Thế-linh chuộng lạ tham thanh,
Thân tiên thân cú ra tình xấu chơi.
Cầu-nôm đồng thủng lạ đời (5),
Kéo còn nhọc xác mệt người xông-pha.
Cắn đuôi tha trứng gần xa (6),

(1) *Qui dịch thê* : sang thì đổi vợ.

(2) *Dư lạp* : qua tháng chạy, tức là hết xuân.

(3) *Quá niên* : quá tuần tuổi trẻ.

(4) *Chùa bà Đanh* : tương truyền chùa bà Đanh thiêng lắm, ít người dám đi qua.

(5) *Cầu-nôm đồng thủng lạ đời* : câu hát cổ : đồng thủng lại về Cầu-nôm, vì làng Cầu-nôm là làng đúc đồng cho nên dù đồng thủng nát đến đâu cũng đem về làng ấy cả, ở đây nói vì bao nhiêu cái xấu cũng đổ cả vào một người xấu.

(6) Câu này nói đi kiếm ăn vất-vả, khi chuột tha trứng, một con ôm quả trứng vào bụng, nằm ngửa ra, một con cắn đuôi kéo đi.

TRUYỆN TRINH THỦ

Cái thân tất-tả như bà đánh ong (1).
Dạ-tràng xe cát luống công (2),
Tò-vò nuôi nhện há mong cày nhờ (3).
 Ít lời chẳng muốn nói ra,
Những điều chàng ở ắt là chẳng quên.
 Chèn nhau từng cạnh cho nên,
Trong bàn (4) đã phổng tay trêu nực cười.
 Tồ-tôm kia thực là tài,
Cửu vạn bát sách chờ hoài bán chi (5).
 Âm-dương bác cục được thì (6),
Cứ chi đứng hậu cứ chi lối lẽ » (7).
 Chàng rằng : « Lời nói cũng kỳ,
Kể khoan kể nhất thói quê thường tình.
 Tiếng chua hơn nửa vắt chanh,
Toan đường tầm-ngải lẫn cảnh được sao (8)
 Ta đây dễ nạt được nào,
Chẳng như kẻ quặp râu vào (9) rẽ-roì.
 Cũng toan niu-náu cho rồi,
Càng ngày càng một tỏ cội những màu.
 Cầm đầu mà chịu vuốt râu,
Đã-cầm như ngựa cầm tàu (10) mấy phen.

(1) *Tục-ngữ* : tất-tả như bà đánh ong, ý nói luống cuống rối-rít.

(2-3) Hai câu này ý nói làm mất công không.

(4) *Bàn* : bàn tồ-tôm.

(5) *Bán chi* : chi-chi.

(6) *Âm-dương bác cục* : bàn sóc-đĩa.

(7) *Đứng, hậu* : tiếng trong sông sóc-đĩa, đứng là khôn nhảy, hậu là đang nhảy, lại đứng lại một tiếng.

(8) *Tầm-ngải* : cây tầm-gửi.

(9) *Quặp râu vào* : người sợ vợ.

(10) *Ngựa cầm tàu* : ngựa bị giam ở trong chuồng.

TRUYỆN TRINH THỦ

Giống lừa ưa nặng đã quen,
Thôi đừng dức-lác huyền-thuyền tít mù ».
Bấy giờ nàng lại tri hô,
Sẵn quần sẵn áo thập-thò cửa hang.
Rằng : « Đà mang tiếng tao-khang,
Những nhờ rẽ mạn rẽ bàng (1) cùng nhau.
Bây giờ nên nổi cơ cầu,
Bà làm cho tỏ ra đầu ra đuôi. »
Miệng thời thở ngắn thở dài,
Tìm đường thăm lối kịp dời lân-dông (2).
Cửa hang chuột bạch tới gần,
Đã phần sỉ-vả lại phần mĩ-mai.
Chuột bạch đỏ mặt tía tai;
Hỏi rằng : « Ai đẩy mắng ai chốn này. »
Con này chưa biết hà đây,
Lại toan tiếng nọ lời này đành-hanh ».
Con mèo thũng-thỉnh góc thành,
Đến xem tranh-dấu ra tình làm sao ?
Hai bên hồn lạc phách xiêu,
Trèo non nhảy núi ra chiều lao-đao.
Lạ đường chuột cái sa ao,
Thực là báo ứng trời nào có xa.
Bạch thời chạy được về nhà,
Bước qua cổng gạo liền sa mình vào.
Ngẫm xem báo ứng kịp sao,
Hồ-sinh đứng nấp tường đào thử trông.
Thấy con chuột cái vẩy-vùng,

(1) *Rẽ mạn rẽ bàng* : tình-nghĩa quán-quít với nhau như rẽ mạn rẽ bàng.

(2) *Lân-dông* : làng-giềng làng đông, ở đây chỉ về hang chuột bạch.

TRUYỆN TRINH THỦ

Trên bờ mèo chực, những mong ra chào.

Hồ dơ tay, mới đuổi mèo,

Vén quần lội xuống cán bèo vớt lên.

Ráo lòng tỉnh dậy vừa an,

Cúi đầu mà lạy khoan khoan trình-bày :

« Thiếp nay là phận thơ-ngây,

Phải chông ruồng-rẫy tới đây gặp nàn.

Ơn ông cứu được thân tàn,

Thừa công-đức ấy muôn vàn xiết đầu.

Nhờ ông lượng bề cao sâu,

Hắn cơ tạo-hóa quên đầu kẻ hiền. »

Sinh rằng : « Những tình hay ghen,

Hễ là già néo ắt liền đứt dây,

Rõ-ràng kẻ nói cho hay,

Ban khuya chuột bạch tới đây tìm mồi.

Phải con muông đuổi một thôi,

Vào hang mây ần, an rồi lại ra.

Lạ gì gái đẹp đến nhà,

Chông mây cũng muốn lân-la với tình.

Song le phải gái kiên trinh,

Ra chiều khôn lẽ đổ-danh lại thôi.

Ngươi về chưa tỏ đầu đuôi,

Máu ghen nghiêng-ngâm nói lời éo-le.

Dẫu rằng đức phật từ-bi,

Ắt là cũng giận hờn gì chông ngươi.

Há rằng việc ấy bởi ai,

Mình làm mình chịu trách mình sao nên.

Tình hay bạo hổ (1) đã quen,

Dám tìm chuột bạch đánh ghen tận nhà.

(1) *Bạo hổ* : *Luận-ngữ* : bạo hổ băng hà : bắt hổ và lợi qua sông tay không, ý nói những người bạo-ngược nóng-nảy.

Lại làm xấu bọn đàn-bà,
Oan lòng tiết-phu nghĩ đã phải chưa ».
Nàng vâng nghe biết sau xưa,
Rằng ơn ông dạy bây giờ mới hay.
Mấy lời nghĩ lại hồ thay.
Trắng kia đã khuyết khôn xoay được tròn.
Trót đã cả giận mất khôn,
Bây giờ cần rốn (1) lại còn được ru ».
Liệu lời sinh mới dạy cho,
Lấy đường khuyên-giải điển-mô (2) mọi lời.
« Việc này con-có vì người,
Liệu về nói đỡ chồng người thì là.
Muốn cho yên cửa yên nhà,
Chẳng gì hơn ở thuận-hòa cùng nhau.
Để ai đội áo qua đầu (3),
Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tày.
Ái-ân là nghĩa nặng thay.
Vợ chồng há phải một ngày rồi quên.
Ở đời vô sự là tiên,
Mà điều yên-đẹp hơn bên cục-cẩn.
Trót đã cùng chiều cùng chắn,
Lẽ nào con nhện mấy lần vương tơ.
Tính sao như thề nước cờ,
Nghĩ cho một phải hai vừa thời thôi.
Chớ toan những sự tranh-phôi (4),

(1) *Cần rốn* : bởi chữ phê tề 嗾 駮 dịch ra, nghĩa là hối-hận.

(2) *Điển-mô* : những điều khuôn-mẫu, những lời khuyên-bảo.

(3) *Đội áo qua đầu* : vì người làm việc trái ngược,

(4) *Tranh-phôi* : tranh-giành.

Bơi bè ra bộ, tanh-hôi cửa-nhà.
Đàn-bà như hạt mưa sa,
Gặp sao hay vậy biết là đâu hơn.
Dấu chông trăm giận nghìn hờn,
Cũng nên bấm bụng van-lơn đỡ-dành.
Một câu nhịn, chín câu lành,
Chớ hề tạt-đổ cây mình cây công.
Mới là phải đạo xướng tòng,
Chịu người lấy việc, chịu chông lấy con.
Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon,
Rang-rang (1) thôi hết khéo-khôn đàn-bà.
Mèo lành ở mả đâu là,
Của yêu đâu có bày ra ở ngoài.
Thôi đừng đua sức thi hơi,
Há rằng ba chốn bốn nơi được nào.
Tránh voi xấu mặt hay sao,
Hãy xem sứa vượt được nào qua đặng (2).
Làm chi mặt vượt, mặt lẳng (3),
Dứt dây chẳng sợ động rừng kia ru.
Thi bơi với giải (4) thời thua,
Đàn-bà đâu có tranh-đua cho đành.
Kíp toan cải dữ làm lành,
Ắt là sum-họp yến-anh một nhà.

(1) *Rang-rang* : tiếng người ngoài chê cười.

(2) *Tục-ngữ* : sứa nào vượt được đặng, đặng là hàng rào cấm vòng-vòng ở dưới nước để bắt cá, con sứa là vật không biết lội, bị nước đẩy vào trong đặng thì vượt qua sao được, ở đây ý nói vợ không vượt được chông.

(3) *Mặt vượt, mặt lẳng* : người có vẻ mặt lăm lăm như mặt cá vượt, cá lẳng.

(4) *Giải* : là một loài giống như ba ba và to, lặn rất lâu.

TRUYỆN TRINH THỦ

Đieu-dàng phải phép đàn-bà.
Chẳng thời chua xót lệ sa ròng ròng. »
Nàng vâng lời dạy ghi lòng,
Trở về van lạy cùng chồng đảm sai,
Hồ-sinh về chốn thư-trai (1)
Giở nghiên-bút mới ghi lời kéo quên.
Nào ngờ vi-vật chính-chuyên,
Rằng chê rằng cũng nên khen lệ gì.
Cũng baw trinh-tiết giữ nghi,
Vật còn đường ấy hưởng chỉ là người.
Ai hay đen bạc biến dời,
Tuy người chẳng biết nhưng trời đã hay.
Nhưng người mặt dạn mày dày.
So xem ắt cũng chẳng tài muông dè.
Nhu lòng chuột đực khá chê,
Toan đường quuyến-rũ dạ mê đạo lành.
Ấy là chuột bạch chí thành,
Vi dù nó chẳng tiết-trinh ra gì.
Thấy chung quả-phụ nhân nghi.
Chẳng khuyên đường chính mà mê thói tà.
Vậy nên eo-óc cửa-nhà
Chẳng nhưng chỉ trách đàn-bà ngon ghen (2).
Khá khen chuột bạch trinh kiên,
Trắng hoa chẳng tưởng, giữ-gìn tấm son.
Dấu răng đá lở non mòn,
Tấm lòng tạc sắt ghi son chẳng dời.
Gặp cơn nhằm chốn sa vời.
Chẳng tham chiu-đãi nghe lời bướm-ong.

(1) *Thư-trai* : nhà học, nhà đọc sách.

(2) *Ngon ghen* : hay ghen, thích ghen.

TRUYỆN TRINH THỦ

Mặc ai cọt-diều thử lòng,
Gan vàng chẳng chuyển chẳng long chút nào.
Đương cơn gặp bước lao-đao,
Thế mà vẫn được ra vào ăm-no.
Khá chê chuột cái đại-rồ,
Chồng đi hoa-nguyệt chẳng cho được nào.
Phải điều khuyên-dỗ thấp cao,
Cớ chi đề-nén sông giao cây mình.
Làm trai ba bảy mới xinh,
Tài nào mà giữ một mình được ru !
Cả ghen nên nổi cay-chua,
Chồng ruồng-rẫy, phải sa hồ càng thương.
Người xưa câu ví còn gương,
Đàn-bà cả tiếng, tan-hoang cửa-nhà.
Sự này dù thực dù ngoa,
Ghen-tuông thì cũng người ta thường tình.
Xét-xem giống vật cho tình,
Mà cơ báo-ứng rành-rành chẳng sai.
Huống chi là đấng làm người,
Thửa lòng cho chính nào trời phụ ai (1).
Tóc-tơ một chút chẳng sai,
Vậy nên làm chuyện đặt vài lời hoa.
Khi rồi, ai muốn ngâm-ngã,
Gọi là theo thói nôm-na dối truyện.

= CHUNG =

(1) Có nhiều bản không có hai câu này.

NHÀ XUẤT - BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937



với sự hợp-tác của các học-giả và
nhà-văn-danh-tiếng Trung, Nam, Bắc:

đã xuất - bản trên 350 thứ
sách chia ra làm nhiều loại.

Hiện còn những thứ mới

I. — SÁCH GIÁO-KHOA — TRUNG-HỌC

A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-Nam Sử-Lược* của Trần trọng Kim (lần thứ năm)
(Nam-Việt 150đ. — Ngoài Nam-Việt 160đ.)
 2. — *Việt-Nam Văn-Phạm* của ba ông :
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỳ và Trần trọng Kim.
(Lần thứ 7 — in trên giấy trắng — Nam Việt 55đ. —
Các nơi 60đ.)
 3. — *Quốc-Văn Cự-Thê* của Ưu-Thiên Bùi-Kỳ
(Lần thứ ba — giá Nam-Việt 42đ. — Các nơi 45đ.)
 4. — *Việt Thi* của Trần trọng Kim
(Sắp có bán — lần thứ 2)
 5. — *Đường Thi* của Trần trọng Kim
(Đang in — lần thứ 2.)
 6. — *Tiêu-Học Việt-Nam Văn-Phạm* của Trần trọng Kim
Bùi Kỳ, Nguyễn quang Oánh (in lần thứ ba)
(Giá 22đ. — Ngoài Nam-Việt 24đ.)
 7. — *Sơ-Học Luân-Lý* của Trần trọng Kim
(Giá 23đ. — Ngoài Nam-Việt 26đ.)
 8. — *Việt-Nam Thi-Văn Giảng-Luận*
của Hà như Chi — Giáo-sư trường Quốc-học Ngô
đình Diệm — Huế.
(Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam Trung-học)
- Tập ★** (Từ khởi-thi đến cuối thế-kỷ 18). Gồm có
những luận-đề về : Ca-dao và Tục-ngữ — Truyện
Trình Thử — Truyện Trê Cóc — Nguyễn Trãi — Vua
Lê Thánh-tông — Nguyễn bình Khiêm — Nguyễn
Hằng — Lê quý Đôn — Đoàn thị Diễm — Ôn như
Hầu — Nguyễn huy Tự — Lê thị Ngọc Hân
(Đang in — lần thứ 3.)

- 9.— *Việt-nam thi-văn giảng-luận*
Tập ★ ★ (Thế-kỷ thứ 19). Gồm có những luận-đề về :
 Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh
 Quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao
 bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiếu —
 Tôn thọ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn
 Khuyến — và Trần tế Xương.
 (In lần thứ hai — Giá Nam Việt 120đ — các nơi 130đ)
- 10.— *Việt-nam văn-học giảng-bình* của Phạm văn Diêu
 giáo-sư trường Trung-học Khải Định — Huế
 Một khoa-bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-
 sinh Đệ-tứ và Đệ-nhi chuyên khoa.
 (Giá 50đ. — Ngoài Nam Việt 55đ.)

B. — LOẠI CỜ VĂN CHÚ-THÍCH

- 1.— *Truyện Thủy Kiều* của Nguyễn Du
 do Bùi Kỳ và Trần trọng Kim hiệu-khao
 (in trên giấy trắng giá N. V. 55đ. — Các nơi 60đ.)
- 2.— *Truyện Hoa Tiên* của Nguyễn huy Tự
 do cụ Tôn thất Lương chú-thích.
 (Đang in lần thứ 2.)
- 3.— *Chinh Phụ Ngâm Khúc* của Đoàn thị Điểm
 do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ ba)
 (Giá N. V. 32đ. — Các nơi 35đ.)
- 4.— *Cung Oán Ngâm Khúc*
 do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ tư)
 (Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)
- 5.— *Lục Vân Tiên* của Nguyễn đình Chiếu, sửa đúng theo
 bản P. J. B. Trương vĩnh Ký phát hành năm 1889
 có thêm phần chú thích (in lần thứ ba).
 (Trên giấy trắng — giá 48đ.)
- 6.— *Truyện Trê Cóc*
 do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba trên giấy trắng)
 (Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
- 7.— *Truyện Trinh Thử*
 do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)
 (Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)
- 8.— *Lục Súc Tranh Công*
 do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)
 (Giá 6đ. — Ngoài Nam Việt 7đ.)
- 9.— *Truyện Phan Trần* do Thi-Nham chú-thích
 (Đang in lần thứ 3.)
- 10.— *Nguyễn Cư Trinh* với quyền *Sãi Vãi* do hai ông
 Lê ngọc Trụ và Phạm văn Luật chú-thích và dẫn-giải.
 (Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)

11.— Hoa Điều Tranh Năng

do cụ Bùi Kỳ hiệu-định.

(Giá 5đ. — Ngoài Nam Việt 6đ.)

12.— Hạnh Thực Ca của Nguyễn nhược Thi

do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích.

(Giá 9đ. — Ngoài Nam Việt 10đ.)

13.— Ngự Tiều Vấn Đáp Y-Thuật của cụ ĐỒ CHIÊU

(tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan văn Hùm hiệu-định và chú-thích — Nhượng Tống tăng-bình bổ-chú.

(Giá Nam Việt 60đ. — Các nơi 65đ.)

14.— Nhị Độ Mai do Thi Nham định-chính và chú-thích,

(In lần thứ hai — trên giấy trắng giá 48đ.)

15.— Bích Câu Kỳ Ngộ do Thi Nham

định-chính và chú-thích

(Đang in lần thứ 3)

16.— Nữ Tú Tài và Bần nữ thán do Thi Nham chú-thích

(Giá 16đ. — Ngoài Nam Việt 17đ.)

17.— Gia Huấn Ca do Thi Nham chú-thích.

(Giá 10đ. — Ngoài Nam Việt 11đ.)

18.— Nhị Thập Tứ Hiếu do Cao huy Giu chú-thích.

(Sắp có bán — lần thứ hai)

19.— Quan Âm Thị Kính do Thi Nham chú-thích.

(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

II.— SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ

Mới có bán

Thằng người gỗ tức là quyển « Les Aventures de Pinocchio ». Bản dịch của Bửu Kế.

Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.

Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu, 17 hình đen. Bìa in Offset 5 màu

(Giá Nam Việt 36đ. — Các nơi 39đ.)

III.— SÁCH KHẢO-CỨU

1.— Vương Dương Minh của Đào trinh Nhất

(Giá 32đ. — Ngoài Nam Việt 36đ.)

2.— Việt Sử Giai Thoại của Đào trinh Nhất

(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)

3.— Tinh Thần Khoa Học của Nguyễn văn Tài

(Giải thưởng Gia-Long năm 1943)

(Giá 17đ. — Ngoài Nam Việt 19đ.)

- 4.— *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim
(Giá 18đ. — Ngoài Nam Việt 20đ.)
- 5.— *Phật-giáo thừa xưa và Phật-giáo ngày nay*
của cụ Trần trọng Kim.
(Giá 13đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)
- 6.— *Nho-giáo* (Quyền thượng) của cụ Trần trọng Kim
(Giá 80đ. — Ngoài Nam Việt 90đ.)

Sắp có bán :

Nho-Giáo (quyền hạ) của cụ Trần trọng Kim

IV.— GIÓ BỐN PHƯƠNG

- 1.— *Trên đường Giải-Phóng* của nhà văn-hào Cao-ly
Younghill Kang — Bản dịch của Phạm trọng Nhân
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)
- 2.— *Mái Tây* (Tây Sương ký)
một trong lục tài-tử của Tàu. Ảnh văn dịch bất hủ
của Nhượng Tống.
(Giá 55đ. — Ngoài Nam Việt 60đ)

V.— THI-NHÂN VIỆT-NAM

- 1.— *Hàn Mạc Tử* — khảo cứu của Trần thanh Mại
(Giá 32đ — Ngoài Nam Việt 34đ.)

VI.— TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM

- 1.— *Truyện Kỳ Mạn Lục* (toàn tập)
Tập truyện cổ Việt Nam mà cụ Vũ khâm Lân đã cho
là một « Thiên cổ kỳ bút »
Bản dịch của Trúc Khê — Ngô văn Triện
(Giá 40đ. — Ngoài Nam Việt 43đ.)

VII.— SÁCH GIÁO-KHOA — TIÊU-HỌC

(Soạn đúng theo chương-trình mới của
Bộ Quốc Gia Giáo-dục)

Đã có bán :

VIỆT - SỬ lớp Ba 18đ. lớp Nhì 28đ. lớp Nhất 15đ.

Quốc-văn toàn thư : lớp Nhất, Nhì, Ba, Tư.

SÁCH MỚI !

HIỆN GIÁO-KHOA KHOA-HỌC
TÂN VIỆT

lần-lượt trình-bày các loại :

- SÁCH HỌC
- PHƯƠNG-PHÁP GIẢI TOÁN
- BÀI TẬP
- KHOA-HỌC THƯỜNG THỨC

về

TOÁN LÝ HÓA

cấp Trung-học

với một nội-dung đầy-đủ và một lối biên-soạn
mới, mong kịp bước tiến của khoa-học.

HÓA-HỌC

== ĐỀ - TỬ ==

của

PHẠM VĂN HƯỜNG

★

PHẠM VĂN THOẠI

(Giáo-sư trường Trung-học Khải-định Huế)

với một phương-pháp :

dân-dị mà không thiếu sót

một trình-bày :

mới và hướng nhiều về thực-nghiệm

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

235, Phan thanh Giản (Le Grand de la Liraye cũ) Saigon

TRUYỆN TRÌNH THỬ
do cụ Ưu-Thiên BÙI KỶ
hiệu-dinh — TÂN VIỆT
xuất-bản lần thứ ba
in xong ngày 26 tháng
4 năm 1956 tại nhà
in riêng của nhà xuất-
bản TÂN VIỆT — Giấy
phép xuất-bản số 126
T. X. B. của bộ Thông
Tin Nam-phần Việt-nam

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG-LẬP NĂM 1937

Đã xuất bản trên 350 thứ sách giá-trị

SÁCH GIÁO-KHOA «TÂN VIỆT»

Loại cổ văn chú-thích và dẫn-giải

Đ ã C ó B á n

- | | |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. Truyện Thủy Kiều | 10. Nguyễn Cư Trinh với Sài Vải |
| 2. Truyện Hoa Tiên | 11. Hoa điều tranh nằng |
| 3. Chinh-phụ ngâm-khúc | 12. Hạnh-thục ca |
| 4. Cung-oán ngâm-khúc | 13. Ngư Tiều vắn-đáp Y-thuật |
| 5. Lục Vân Tiên | 14. Nhị độ Mai |
| 6. Truyện Trê Cóc | 15. Bích-câu kỳ ngộ |
| 7. Truyện Trinh Thử | 16. Nữ Tú-Tài và Bần nữ thần |
| 8. Lục súc tranh công | 17. Gia huấn ca |
| 9. Truyện Phan Trần | 18. Nhị-thập tứ hiếu |
| | 19. Quan-Âm Thị Kính |

C Ò N M Ò T S Ò Í T

VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC

(In lần thứ năm)

của Cụ

TRẦN TRỌNG KIM

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

235, Phan thanh Giản (Le Grand de la Liraye cũ) Saigòn

Giấy phép xuất-bản

Số 126/T.X.B.

của nha Thông-Tin
Nam Việt

TRUYỆN TRINH THỬ

In lần thứ ba

Giá } Nam Việt... 32 \$ 00
Các nơi..... 22 \$ 00